

Kinh tế vĩ mô tháng 11 năm 2018: Những điểm nổi bật

Những điểm nổi bật của kinh tế, giá cả, tài chính tiền tệ quốc tế

- ***Kinh tế Mỹ vẫn duy trì đà tăng trưởng nhưng có dấu hiệu giảm tốc so với tháng trước, kinh tế EU và Trung Quốc chưa có nhiều cải thiện, kinh tế Nhật vẫn tăng trưởng ổn định;***
- ***Chỉ số giá cả hàng hóa toàn cầu tiếp tục giảm so với tháng trước, giá dầu ghi nhận tháng giảm mạnh nhất từ đầu năm đến nay;***
- ***Trên thị trường ngoại hối, đồng USD tiếp tục tăng nhẹ, các đồng tiền mạnh khác ở Châu Âu và châu Á đã có diễn biến trái chiều;***
- ***Giá vàng tiếp tục tăng tháng thứ hai liên tiếp;***
- ***Thị trường chứng khoán đã lấy lại đà tăng điểm;***

Những điểm nổi bật của kinh tế trong nước

- ***Chỉ số sản xuất toàn ngành công nghiệp tiếp tục diễn biến tích cực, ghi nhận xu hướng tăng trên tất cả các nhóm ngành chủ chốt, các điều kiện kinh doanh của lĩnh vực sản xuất được cải thiện mạnh mẽ;***
- ***Tổng mức bán lẻ hàng hóa và doanh thu dịch vụ tiêu dùng duy trì mức tăng trưởng tốt;***
- ***Giải ngân vốn đầu tư từ NSNN tiếp tục gia tăng;***
- ***Lượng vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài vào Việt Nam và vốn FDI giải ngân có sự chững lại so với tháng trước;***
- ***Kim ngạch xuất nhập vẫn duy trì ở mức trên 20 tỷ USD, kim ngạch nhập khẩu tiếp tục gia tăng so với tháng trước, cán cân thương mại thâm hụt 40 triệu USD trong tháng 11;***
- ***Chỉ số CPI giảm 0,29% so với tháng trước;***
- ***Thu NSNN diễn biến tích cực, chi đầu tư phát triển vẫn ở mức thấp;***
- ***Mặt bằng lãi suất huy động tiếp tục tăng rải rác; Lãi suất liên ngân hàng đã giảm ở một số kỳ hạn ngắn nhưng đồng loạt tăng ở các kỳ hạn dài;***
- ***Tỷ giá tiếp tục diễn biến thuận lợi; Giá vàng trong nước đã giảm nhẹ so với tháng trước;***
- ***Thị trường chứng khoán vẫn tăng trưởng mặc dù có nhiều biến động trong nửa đầu tháng.***

I. KINH TẾ THẾ GIỚI

1. Kinh tế thế giới

Kinh tế Mỹ có dấu hiệu giảm tốc so với tháng trước

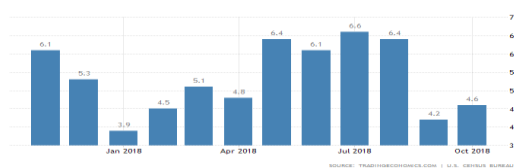
Trong tháng 11, nhiều chỉ số vĩ mô tại Mỹ có dấu hiệu đi xuống Chỉ số PMI tổng hợp đạt 54,4 điểm trong tháng 11, giảm so với 54,9 điểm trong tháng 10. Tăng trưởng doanh số bán lẻ hàng hóa vẫn ở mức thấp, đạt mức tăng 4,6% so với cùng kỳ. Lạm phát có dấu hiệu tăng, ở mức 2,5% so với cùng kỳ, cao hơn mức tăng 2,3% của tháng trước. Bên cạnh đó, thâm hụt thương mại của Mỹ vẫn đang có xu hướng nói rộng, trong đó tổng thâm hụt thương mại của Mỹ với Trung Quốc trong 9 tháng đầu năm tăng lên 301,36 tỷ USD.

Mặc dù vậy, thị trường việc làm tháng 11 diễn biến khả quan, tỷ lệ thất nghiệp duy trì ở mức thấp 3,7%, mức thấp nhất trong gần 50 năm qua.

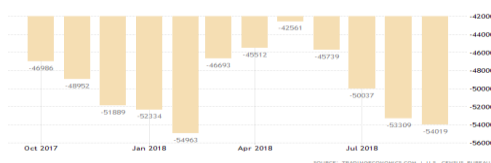
Tốc độ tăng CPI so với cùng kỳ (%yoy)



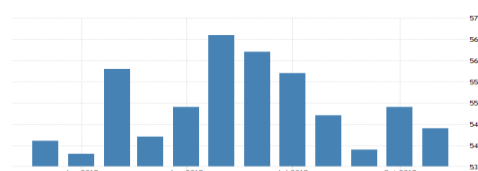
Doanh số bán lẻ hàng hóa (% yoy)



Thâm hụt cán cân thương mại (tỷ USD)



Chỉ số PMI tổng hợp của Mỹ



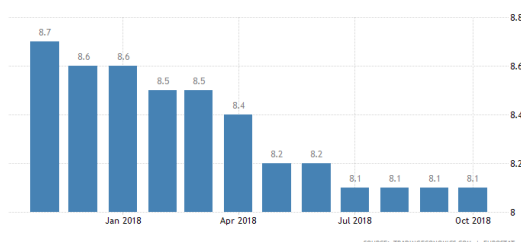
Nguồn: Trading economics

Kinh tế khu vực EU tăng trưởng qua một tháng thiếu tích cực

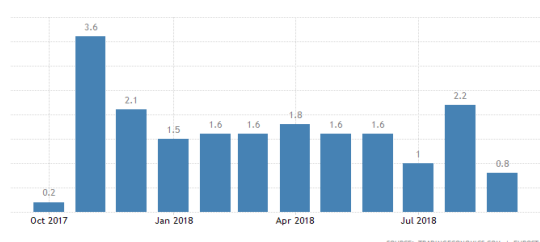
Tại khu vực đồng tiền chung châu Âu, khu vực sản xuất vẫn đang cho thấy những diễn biến kém tích cực. Chỉ số PMI tổng hợp tháng 11 tiếp tục giảm còn 52,4 điểm – mức mở rộng thấp nhất kể từ tháng 12/2014 do khu vực dịch vụ mở rộng ở mức chậm nhất trong vòng 2 năm qua và khu vực sản xuất cũng đạt mức tăng trưởng yếu nhất trong vòng 30 tháng qua. Trong khi đó, về phía khu vực tiêu dùng, chỉ số niềm tin người tiêu dùng vẫn duy trì ở mức âm cho thấy người tiêu dùng vẫn khá bi quan về triển vọng kinh tế vĩ mô trong khu vực, đồng thời tăng trưởng doanh số bán lẻ hàng hóa trong tháng gần nhất cũng chỉ đạt mức tăng trưởng thấp nhất trong vòng 1 năm qua là 0,8% so với cùng kỳ.

Trên thị trường lao động, tỷ lệ thất nghiệp vẫn duy trì ở mức thấp 8,1%. Tỷ lệ lạm phát tháng 11 giảm nhẹ từ mức đỉnh 2,2% của tháng trước xuống còn 2% trong tháng 11.

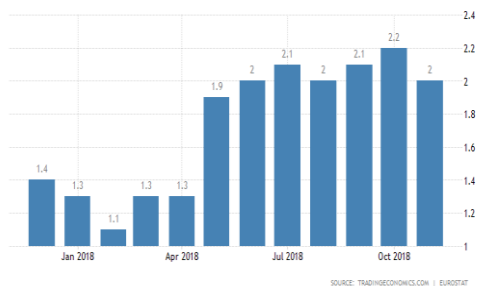
Tỷ lệ thất nghiệp (% yoy)



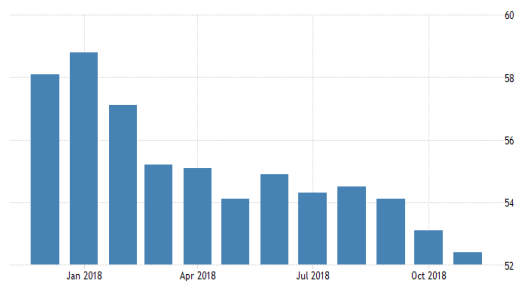
Tăng trưởng doanh số bán lẻ hàng hóa (% yoy)



Tốc độ tăng lạm phát so với cùng kỳ (%)



Chỉ số PMI tổng hợp của Châu Âu



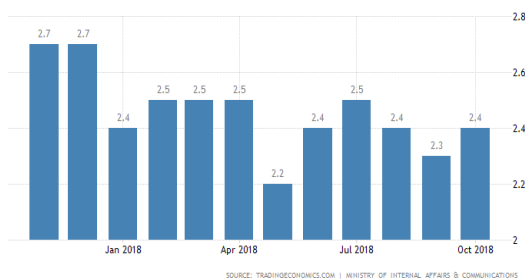
Nguồn: Trading economicsmics

Kinh tế Nhật Bản tiếp tục ghi nhận những diễn biến thuận lợi

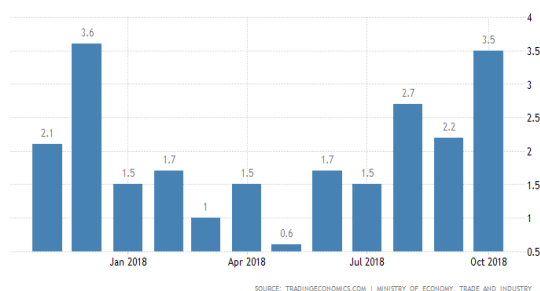
Kinh tế Nhật Bản đang tiếp tục đà phục hồi. Nhu cầu trong nước, đặc biệt tiêu dùng cá nhân gia tăng ổn định với tổng mức bán lẻ hàng hóa trong tháng vừa qua đạt mức tăng trưởng 3,5% so với cùng kỳ - mức tăng tốt nhất kể từ đầu năm đến nay. Tỷ lệ lạm phát vẫn duy trì ở mức trên 1%. Bên cạnh đó, tỷ lệ thất nghiệp vẫn ở mức thấp 2,4%.

Tuy nhiên, đà mở rộng của khu vực sản xuất chậm lại khi chỉ số PMI khu vực chế biến chế tạo thấp hơn so với tháng trước, đạt 52,2 điểm trong tháng 11 và là mức mở rộng thấp nhất trong 15 tháng qua.

Tỷ lệ thất nghiệp (% yoy)



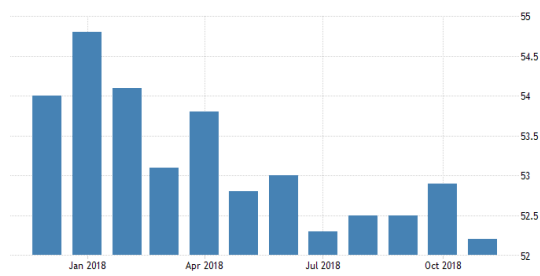
Doanh số bán lẻ hàng hóa so cùng kỳ (%)



Tốc độ tăng lạm phát so với cùng kỳ (%)



Chỉ số PMI khu vực sản xuất

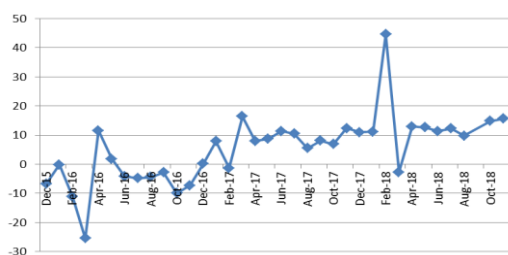
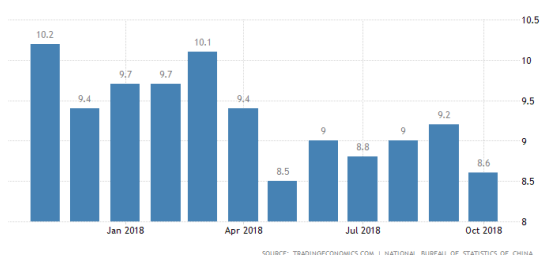
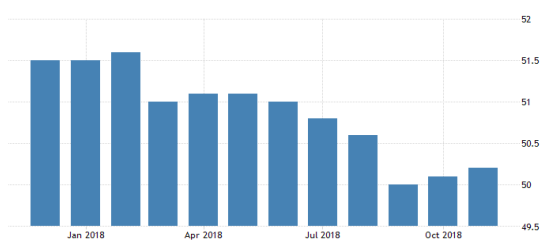


Nguồn: Trading economics

Kinh tế Trung Quốc chưa có những diễn biến mới

Trong tháng 11, chỉ số PMI khu vực sản xuất chỉ có sự cải thiện nhẹ so với tháng trước khi đạt 50,2 điểm, đánh dấu tháng thứ 3 liên tiếp chỉ số này rơi xuống sát ngưỡng thu hẹp. Tăng trưởng doanh số bán lẻ hàng hóa cũng chậm hơn so với tháng trước, đạt mức tăng 8,6% so với cùng kỳ.

Khu vực xuất khẩu mặc dù vẫn chịu áp lực từ các biện pháp áp thuế của Mỹ vẫn diễn biến tích cực khi ghi nhận mức tăng trưởng cao nhất kể từ tháng 2 trở lại đây là 15,6% trước nhu cầu toàn cầu tăng cao. Tỷ lệ lạm phát duy trì ở mức 2,5% tháng thứ 2 liên tiếp, gần bằng với mức tăng mạnh nhất là 2,9% vào tháng 2 năm 2018 và chưa có tín hiệu suy giảm.

Tăng trưởng xuất khẩu so với cùng kỳ (%)**Doanh số bán lẻ hàng hóa so với cùng kỳ (%)****Lạm phát so với cùng kỳ (%yoy)****Chỉ số PMI chế biến chế tạo**

Nguồn: Trading Economics

Chỉ số giá cả hàng hóa toàn cầu tiếp tục giảm so với tháng trước

Trong tháng 11, chỉ số giá cả hàng hóa chung theo thống kê của Bloomberg (BCOMTR) ghi nhận nhiều biến động với những đợt tăng giảm xen kẽ. Chỉ số này giảm trong 13 ngày đầu tháng, hồi phục trong tuần tiếp theo, tiếp tục điều chỉnh giảm trong 8 ngày sau đó và tăng trong thời gian còn lại. Kết thúc tháng 11, chỉ số BCOMTR đạt mức 171,53 điểm, giảm 1,59% so với cuối tháng trước.

Trong tháng 11, chỉ số giá cả hàng hóa chung theo thống kê của Bloomberg

Diễn biến chỉ số hàng hóa chung trong tháng 11

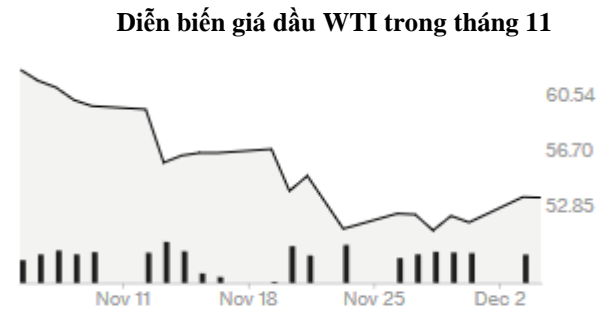
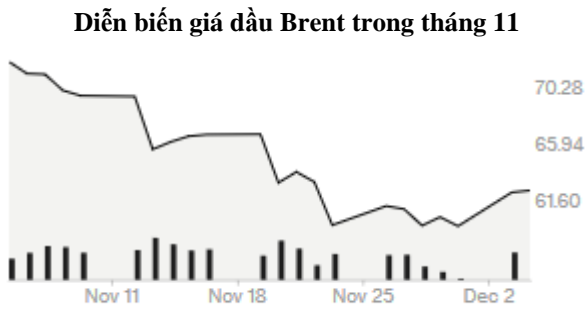
Nguồn: Bloomberg

Nhóm hàng kim loại tiếp tục chịu tác động từ các biến động cung cầu trong thời điểm cuối năm. Trong nhóm kim loại quý, ngoại trừ vàng nguyên liệu vẫn giữ được đà tăng, giá các nhóm hàng khác như bạch kim, bạc đều giảm so với tháng trước. Trong khi đó, nhóm kim loại sản xuất cũng ghi nhận diễn biến tăng giảm đan xen giữa các mặt hàng. Cụ thể là đồng tăng trở lại ở mức 4,83% trong khi các mặt hàng còn lại có sự điều chỉnh giảm từ 1% đến 5%.

Trong nhóm nông nghiệp thô, nhóm mặt hàng ngũ cốc như gạo, lúa mì, ngô, đậu nành lại có sự điều chỉnh tăng giá do nhu cầu tiêu thụ tăng cao dịp cuối năm, trong khi đó các mặt hàng khác lại có xu hướng giảm như cà phê giảm 4,75%, cao su giảm 1,23%, coca giảm 2,22%.

Trên thị trường năng lượng, giá dầu ghi nhận tháng giảm mạnh nhất trong vòng 1 thập kỷ qua với giá dầu Brent giảm 22,21%, trong khi dầu WTI giảm 22,02% so với cuối tháng trước. Sự sụt giảm mạnh của giá dầu trong tháng là do lo ngại nhu cầu sụt giảm trước đợt tăng giá mạnh của dầu trong thời gian gần đây và sức ép từ sự gia tăng nguồn cung trên toàn cầu¹. Kết thúc tháng, giá dầu Brent đang ở mức 58,68 USD/thùng, trong khi giá dầu WTI ở mức 51,48 USD/thùng.

¹ Theo báo cáo của Cơ quan năng lượng Mỹ, sản lượng dầu thô Mỹ đã tăng gần 25% trong năm nay lên mức cao kỷ lục 11,4 triệu thùng/ngày, phần lớn nhờ sản lượng dầu đá phiến tăng



Nguồn: Bloomberg

2. Diễn biến thị trường ngoại hối, chứng khoán

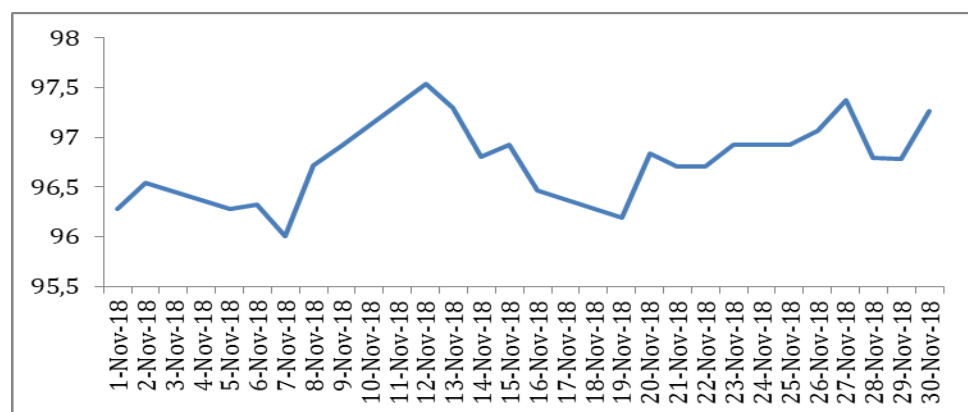
Thị trường ngoại hối

Đồng USD tiếp tục tăng nhẹ Kết thúc tháng 11, chỉ số USD index tiếp tục tăng nhưng mức tăng đã giảm rất nhiều so với tháng trước, ở mức 0,14% đối với tỷ giá giao ngay và 0,3% với tỷ giá kỳ hạn.

Mặc dù đồng bạc xanh đã giảm mạnh 0,88% ngay ngày giao dịch đầu tháng sau khi có mức tăng mạnh trong tháng 10, tuy nhiên những kỳ vọng thuận lợi cho các chính sách của Tổng thống Trump trước khi diễn ra sự kiện bỏ phiếu giữa nhiệm kỳ và những bất ổn dấy sóng tại khu vực Châu Âu đã tạo lực cho đà tăng trở lại của đồng USD trong khoảng từ ngày 2 – 12/11, với tổng mức tăng là 1,31%. Sau đó, diễn biến tăng của USD index chỉ xuất hiện trở lại trong 04 ngày giao dịch liên tiếp vào cuối tháng từ ngày 23 – 27/11, trước thềm hội nghị G20 diễn ra vào cuối tháng.

Trong tháng, USD cũng có xu hướng tăng, giảm đan xen nhưng ghi nhận các ngày giao dịch giảm là chủ yếu, diễn ra trong khoảng từ ngày 13 – 22/11, với tổng mức giảm là 0,85%. Diễn biến trên bị ảnh hưởng mạnh mẽ của những biến động trên thị trường chứng khoán, giá dầu và áp lực chính sách của nước Mỹ. Trong đó, sức mạnh của đồng bạc xanh bị ảnh hưởng khá mạnh từ định hướng điều hành CSTT của Fed. Diễn biến giảm của USD index vào cuối tháng đã xuất hiện ngay sau những phát biểu cảnh trọng của chủ tịch Fed về tình hình lãi suất đang ở gần mức trung lập của nước này. Chỉ số USD index giao ngay vào ngày cuối tháng chốt giao dịch ở mức 97.27 trong khi đó chỉ số kỳ hạn là 97.196.

Diễn biến chỉ số USD



Nguồn: investing.com

Hai đồng tiền mạnh của khu vực Châu Âu đã có diễn biến trái chiều

Trong tháng 11, đồng GBP và đồng EUR đã có diễn biến trái chiều so với đồng USD. Trong đó, đồng GBP tiếp tục giảm nhưng mức giảm đã thấp rất nhiều so với tháng trước, ở mức 0,11% và đồng EUR đã tăng nhẹ ở mức 0,04%. Diễn biến của đồng GBP và đồng EUR tiếp tục bị chi phối bởi diễn biến của đồng USD trên thị trường quốc tế, những vấn đề xung quanh số phận của hiệp ước Brexit, những bất ổn tại khu vực Châu Âu, định hướng chính sách của NHTW và diễn biến kinh tế vĩ mô của nước Anh và các nước thành viên trong khối.

Trong tháng cả hai đồng tiền đều có được xu hướng tăng tốt trong những ngày giao dịch đầu tháng, đặc biệt là mức tăng mạnh ngay trong ngày giao dịch đầu tiên – trái ngược với xu hướng giảm mạnh của USD, đáng chú ý là mức tăng xấp xỉ 2% của đồng GBP khi cộng hưởng với những tín hiệu tích cực về việc Anh và Liên minh Châu Âu đang tiến gần tới thỏa thuận về một phần quan trọng của Brexit. Tiếp đó cả hai đồng tiền đều có xu hướng giảm từ ngày 7 – 12/11 với tổng mức giảm xấp xỉ 2% đối với cả đồng GBP và đồng EUR. Trong tháng cũng ghi nhận xu hướng mất giá mạnh đáng chú ý hơn 1% đối với đồng EUR và 1,69% đối với đồng GBP trước những diễn biến bất lợi về triển vọng của Brexit và vấn đề ngân sách của Ý.

Trong những tuần kế tiếp, diễn biến của 02 đồng tiền này đã có sự khác biệt trước những thông tin kinh tế và tình hình nội bộ của mỗi nước. Nếu như đồng GBP có diễn biến tăng giảm đan xen, tiếp tục ghi nhận mức tăng hoặc giảm mạnh chỉ diễn ra trong một số ngày giao dịch thì đồng EUR đã có được các chuỗi tăng liên tục từ 13 – 19/11 với tổng mức tăng trên 2% trước khi có diễn biến đan xen cho đến hết tháng.

Kết thúc tháng 11, tỷ giá GBP/USD và EUR/USD chốt giao dịch lần lượt ở mức 1.2752 và 1.1317.

Bên cạnh đó, 02 đồng tiền mạnh khác là đồng AUD và đồng CAD cũng có diễn biến trái chiều. Trong đó nếu đồng AUD đã có tháng tăng giá mạnh nhất kể từ đầu năm ở mức 3,45% thì đồng CAD giảm tháng thứ hai liên tiếp, ở mức 1,07%. Theo đó, đồng AUD đã có được những chuỗi tăng, giảm kéo dài liên tục trong 4 - 7 ngày giao dịch, xu hướng tăng diễn ra chủ yếu vào nửa đầu tháng trong khi đó đồng CAD lại có diễn biến đan xen cho đến hết tháng. Diễn biến của cả hai đồng tiền này trong tháng vẫn chịu tác động mạnh bởi đồng USD và tình hình kinh tế của mỗi nước. Ngoài ra, diễn biến của đồng AUD tiếp tục bị ảnh hưởng mạnh bởi tình trạng căng thẳng trong quan hệ thương mại Mỹ - Trung và tình hình kinh tế của Trung Quốc. Và đồng CAD lại bị ảnh hưởng mạnh bởi xu hướng giảm của giá dầu trên thị trường.

Kết thúc tháng , tỷ giá AUD/USD và USD/CAD lần lượt là 0.7318 và 1.3296.

Đồng JPY và đồng CNY cũng có diễn biến trái chiều

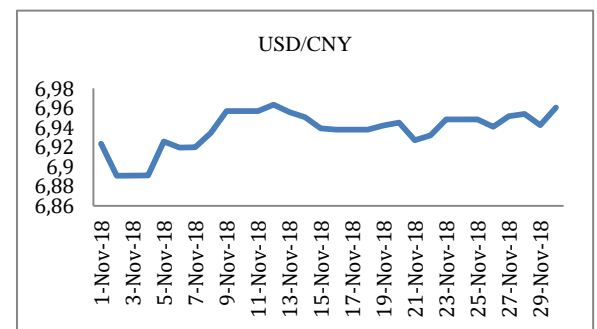
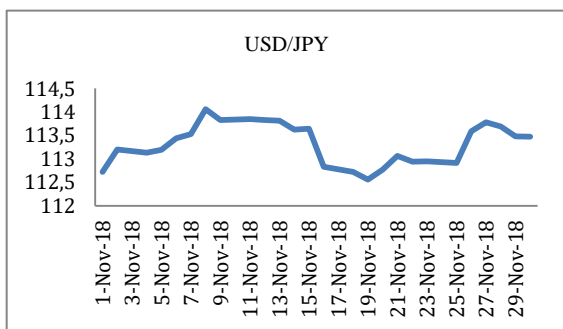
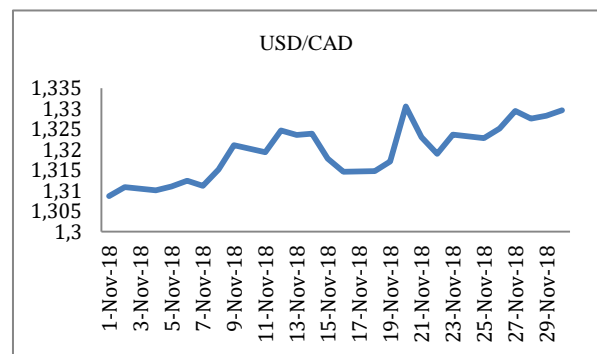
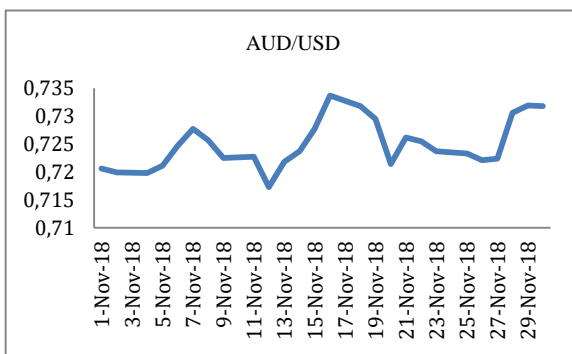
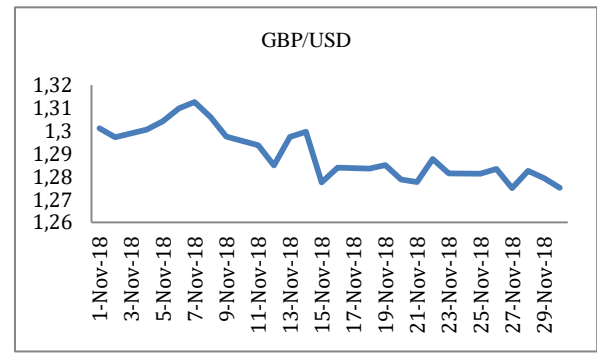
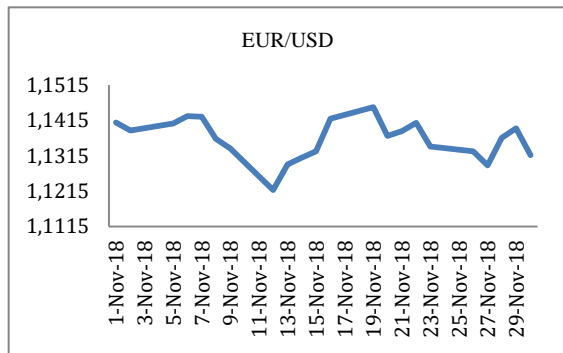
Tại khu vực Châu Á, diễn biến của 02 đồng tiền mạnh là đồng JPY và đồng CNY cũng có diễn biến khác với tháng trước. Trong đó, đồng JPY đã giảm nhẹ ở mức 0,47% và đồng CNY đã tăng 0,22% sau chuỗi giảm kéo dài trong 7 tháng.

Đồng JPY mở đầu tháng đã có chuỗi giảm liên tục từ ngày 2 – 8/11 với tổng mức giảm là 1,19%, sau đó tăng mạnh 1,32% trong 10 ngày giao dịch liên tiếp và duy trì xu hướng đan xen cho đến hết tháng, trong đó cũng ghi nhận mức giảm mạnh nhất là 0,6% vào ngày 26/11 và mức tăng mạnh nhất là 0,71% vào ngày 16/11. Xu hướng tăng của JPY tiếp tục được hỗ trợ bởi những rủi ro bất ổn từ các khu vực và nền kinh tế lớn; các diễn biến kinh tế tiếp tục thuận lợi, đặc biệt là diễn biến tăng tiền lương liên tiếp.

Trong khi đó, đồng CNY đã tăng trở lại sau chuỗi giảm kéo dài, ghi nhận nhiều ngày giao dịch và chuỗi giao dịch tăng liên tục, đáng chú ý là mức tăng lên đến 1,22% vào 02 ngày giao dịch đầu tháng. Sau đó, duy trì xu hướng đan xen trong 10 ngày giao dịch cuối tháng. So với các tháng trước, diễn biến của đồng CNY trong tháng này cho thấy nhiều tín hiệu chắc chắn cho một xu hướng mới. Ngoại trừ đà tăng mạnh trong những ngày giao dịch đầu tháng do sự điều chỉnh của thị trường, diễn biến tăng của đồng CNY trong tháng còn được hỗ trợ mạnh mẽ bởi động thái điều hành chính sách của PBOC. Trong tháng này việc PBOC tuyên bố đã bán ròng ngoại tệ ra nền kinh tế - tương đương 91,6 nghìn tỷ nhân dân tệ trong tháng 10 – là tháng có quy mô bán ròng lớn thứ hai sau tháng 9/2018. Điều đó phản ánh được định hướng can thiệp thị trường của NHTW nhằm chấm dứt hoặc làm chậm lại đà giảm giá kéo dài trong năm 2018.

Kết thúc tháng, tỷ giá USD/JPY 113.47 và tỷ giá USD/CNY lần lượt là 6.9605.

Diễn biến tỷ giá của các đồng tiền mạnh



Nguồn: investing.com

Diễn biến thị trường vàng

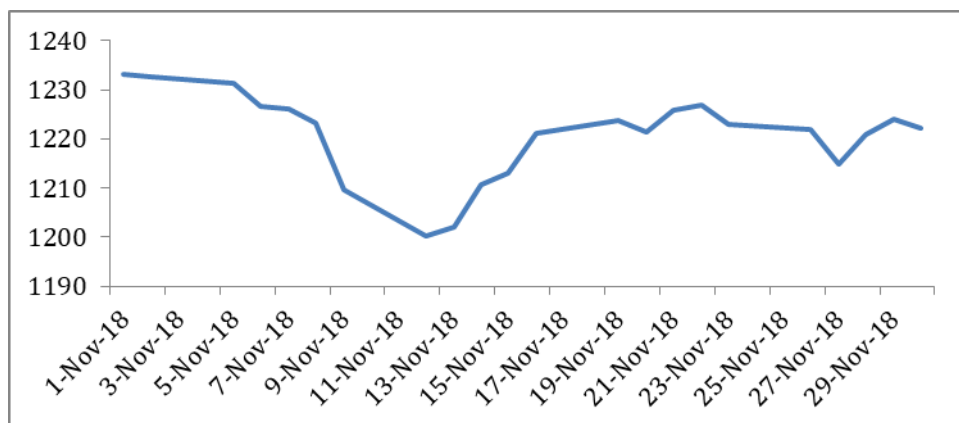
Giá vàng tiếp tục tăng tháng thứ hai liên tiếp

Kết thúc tháng 11, giá vàng giữ được đà tăng của tháng trước, tăng 0,67%. Vàng đã có mức tăng mạnh ngay ngày giao dịch đầu tháng, tăng hơn 1,5% khi đồng USD giảm mạnh trước những tín hiệu tốt lành từ nước Anh, cụ thể như việc nước Anh đã đạt được thỏa thuận hậu Brexit trong lĩnh vực tài chính ngân hàng và mong muốn tham gia thỏa thuận Hiệp định Đối tác Toàn diện và Tiến bộ xuyên Thái Bình Dương. Tuy nhiên, trong gần 10 ngày giao dịch tiếp theo giá vàng đã lao dốc, với tổng mức giảm đã vượt 2% trước đà tăng vững chãi của đồng USD.

Mặc dù vậy đà tăng cũng đã xuất hiện gần như liên tục từ ngày 13/11 đến ngày 22/11, với tổng mức tăng xấp xỉ bằng với mức giảm của những tuần đầu tháng khi gia tăng quan ngại về diễn biến của kinh tế toàn cầu, đồng bạc xanh suy yếu trước các áp lực chính sách trong nội bộ nước Mỹ, sự dịch chuyển của dòng tiền đầu tư vào các tài sản có độ rủi ro thấp hơn. Ngoài xu hướng tăng đáng chú ý này, giá vàng còn ghi nhận mức tăng đáng kể vào ngày 28/11 trước những phát biểu thận trọng của Chủ tịch Fed - Jerome Powell về tình trạng chính sách lãi suất của Mỹ.

Kết thúc tháng, giá vàng giao ngay và kỳ hạn lần lượt là 1.222,18 USD/ounce và 1.226 USD/ounce.

Diễn biến giá vàng thế giới



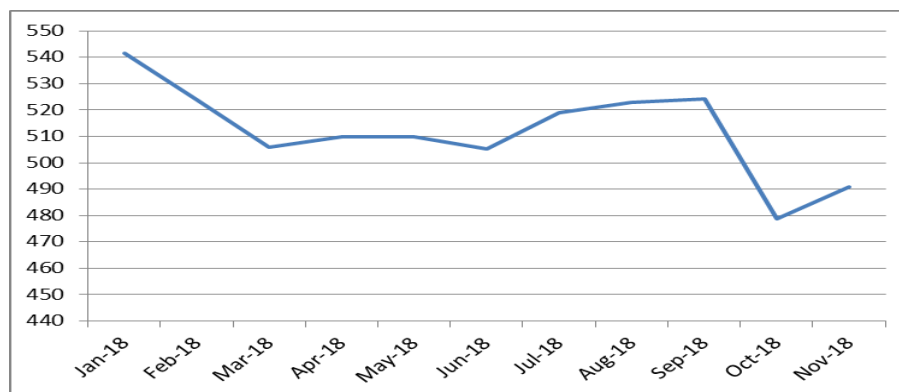
Nguồn: usagold.com

Thị trường chứng khoán toàn cầu

TTCK toàn cầu lấy lại đà tăng trong tháng 11

Sau biến động giảm mạnh của tháng trước, thị trường chứng khoán toàn cầu đã hồi phục trở lại trong tháng 11. Kết thúc tháng, chỉ số MSCI ACWI đạt 490,86 điểm, tăng 2,53% so với tháng trước. Xu hướng giảm diễn ra chủ yếu trong nửa đầu tháng, thị trường lấy lại đà tăng điểm trong nửa cuối tháng khi được nhận thêm nhiều thông tin hỗ trợ về mặt vĩ mô cũng như kinh tế, đặc biệt trước những chuyển biến tích cực trong mối quan hệ thương mại Mỹ Trung.

Diễn biến chỉ số MSCI ACWI trong năm 2018



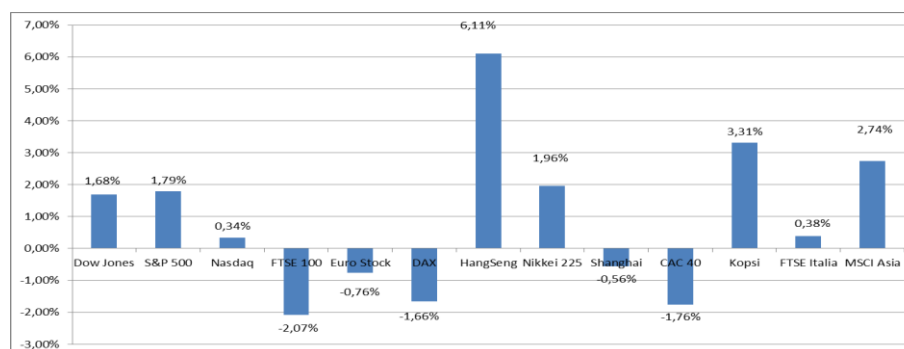
Nguồn: msci.com

Thị trường chứng khoán Mỹ cũng diễn biến tương tự với xu hướng chung của chứng khoán toàn cầu khi giảm trong nửa đầu tháng và tăng trở lại trong nửa cuối tháng. Đặc biệt, thị trường ghi nhận tuần tăng điểm mạnh nhất trong vòng 7 năm qua vào cuối tháng khi nhà đầu tư hy vọng vào những tiến triển về thương mại trong cuộc họp quan trọng giữa Mỹ và Trung Quốc. Bên cạnh đó, đà tăng của Nasdaq còn được hỗ trợ từ những tin tức tích cực đến từ nhóm cổ phiếu công nghệ. Kết thúc tháng, cả 3 chỉ số chủ chốt đều đạt mức tăng điểm trong đó DowJones tăng 3,86%, S&P500 tăng 3,87% và Nasdaq tăng 7,09%.

Thị trường chứng khoán châu Âu không có được diễn biến tích cực như thị trường Mỹ. Trước những bất ổn vĩ mô gia tăng trong khu vực², những lo ngại về tình hình nợ công tại các quốc gia thành viên và tình hình kinh tế chưa có nhiều cải thiện, các chỉ số chính trong khu vực tiếp tục giảm điểm mặc dù mức giảm đã được thu hẹp so với tháng trước. Kết thúc tháng 10, chỉ số Euro Stoxx toàn khu vực giảm 0,76% so với cuối tháng trước. Các chỉ số chủ chốt trong khu vực đều đồng loạt giảm điểm như DAX của Đức giảm 6,53%, FTSE 100 của Anh giảm 2,07%; CAC40 của Pháp giảm 1,76%.

Chứng khoán châu Á cũng lấy lại được đà tăng trong tháng 11. Chỉ số MSCI khu vực châu Á Thái Bình Dương đạt mức tăng 2,74% so với cuối tháng trước. Nhiều chỉ số chủ chốt trong khu vực đều tăng điểm như chỉ số Nikkei 225 tăng 1,96%, chỉ số HangSeng của Hồng Kông tăng 6,11%, chỉ số Kopsi của Hàn Quốc tăng 3,31%. Tuy nhiên, chỉ số Shanghai của Trung Quốc vẫn chưa thoát khỏi xu thế giảm điểm với mức giảm 0,56% so với tháng trước.

Diễn biến một số thị trường chứng khoán chủ chốt trong tháng 11



Nguồn: Bloomberg

² Trong tháng 11, châu Âu đối mặt với nhiều biến động chính trị: biểu tình phong trào Áo vàng phản đối tăng thuế nhiên liệu tại Pháp, căng thẳng gia tăng giữa Nga và Ukraina,...

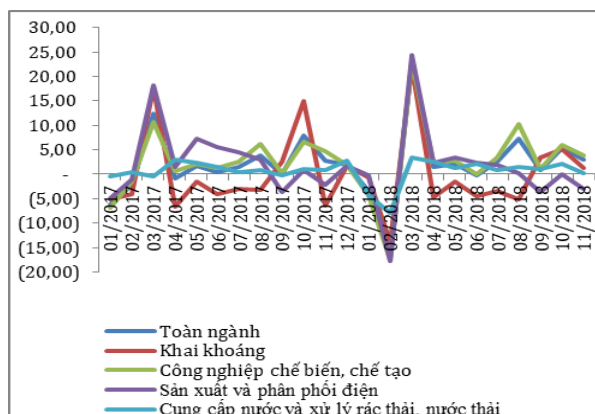
KINH TẾ TRONG NƯỚC

1. Tăng trưởng kinh tế

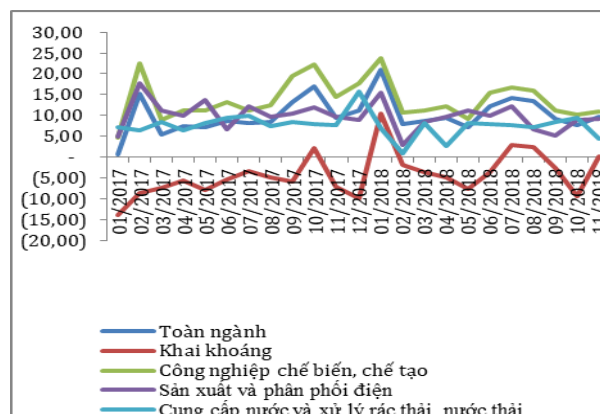
Chỉ số sản xuất toàn ngành công nghiệp tiếp tục tích cực, ghi nhận xu hướng tăng trên tất cả các nhóm ngành chủ chốt

Trong tháng 11/2018, chỉ số sản xuất toàn ngành công nghiệp – IIP ước tính tăng 9,6% so với cùng kỳ năm trước. Trong đó, xu hướng tăng đã xuất hiện ở tất cả các nhóm ngành. Cụ thể, ngành khai khoáng đã tăng 0,2% sau hai tháng giảm liên tiếp, ghi nhận sự đóng góp của nhóm dầu thô và khí đốt, nhóm quặng kim loại và khai khoáng khác. Tiếp đến vẫn là đà tăng chủ lực của ngành công nghiệp chế biến, chế tạo ước khoảng 11% và sản xuất và phân phối điện tăng 9,2%; cung cấp nước và xử lý rác thải, nước thải tăng 4,5%.

Diễn biến IIP so với tháng trước



Diễn biến IIP so với cùng kỳ

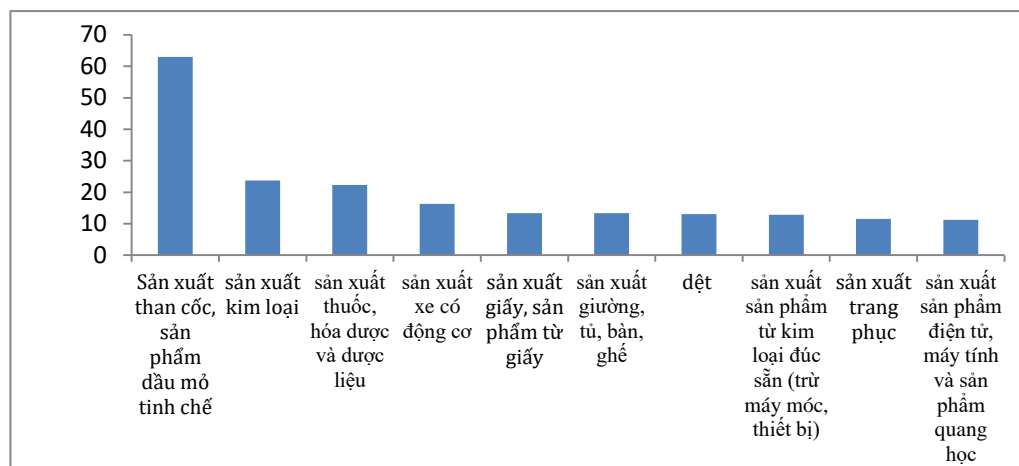


Nguồn: TCTK

Tính chung 11 tháng năm 2018, IIP ước tính tăng 10,1%. Trong đó, ngành công nghiệp chế biến, chế tạo tăng 12,2%, đóng góp 9,5 điểm phần trăm vào mức tăng chung; ngành sản xuất và phân phối điện tăng 9,6%, đóng góp 0,8 điểm phần trăm; ngành cung cấp nước và xử lý rác thải, nước thải tăng 6,3%, đóng góp 0,1 điểm phần trăm; riêng ngành khai khoáng tiếp tục giảm 2%, làm giảm 0,3 điểm phần trăm mức tăng chung. Tuy nhiên mức giảm này đã thấp hơn so với tháng trước.

Bên cạnh đó, trong 11 tháng, lĩnh vực sản xuất công nghiệp tiếp tục ghi nhận mức tăng cao của một số ngành chủ chốt kể từ đầu năm như sản xuất than cốc, sản phẩm dầu mỏ tinh chế, sản xuất kim loại, sản xuất thuốc, hóa dược và dược liệu; sản xuất xe có động cơ, dệt; sản xuất giấy, sản phẩm từ giấy; sản xuất giường, tủ, bàn, ghế; sản xuất sản phẩm từ kim loại đúc sẵn (trừ máy móc, thiết bị); sản xuất trang phục; sản xuất sản phẩm điện tử, máy tính và sản phẩm quang học.

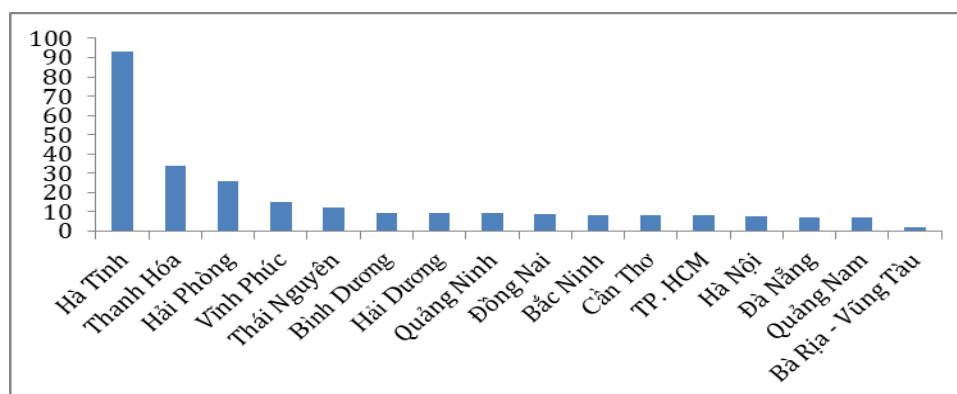
Các ngành có IIP 11 tháng của một số nhóm ngành



Nguồn: TCTK

Đồng thời, diễn biến IIP 11 tháng tiếp tục tăng so với cùng kỳ năm trước tại 63 tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương. Trong đó, dẫn đầu là mức tăng của Hà Tĩnh do có sự đóng góp của Tập đoàn Formosa. Tiếp đến là Thanh Hóa với sự đóng góp chủ yếu của Công ty TNHH Lọc hóa dầu Nghi Sơn. Và thấp nhất trong cả nước vẫn là mức tăng IIP của Bà Rịa - Vũng Tàu khi khai thác dầu thô và khí đốt liên tục giảm từ tháng 3/2018.

Tốc độ tăng IIP của các tỉnh thành trên cả nước tháng 11/2018



Nguồn: TCTK

Các điều kiện kinh doanh của lĩnh vực sản xuất được cải thiện mạnh mẽ

Chỉ số PMI 2,6 điểm lên 56,5 điểm trong tháng 11, sát mức kỷ lục được ghi nhận trong tháng thu thập dữ liệu đầu tiên. Xu hướng tăng mạnh của PMI là do sản lượng và số lượng đơn đặt hàng mới tăng nhanh và mạnh với một số diễn biến đáng chú ý như sau:

+ Số lượng đơn đặt hàng mới ghi nhận hai tháng tăng trưởng liên tiếp. Đặc biệt số lượng đơn đặt hàng xuất khẩu mới tăng với tốc độ đáng kể đã khuyến khích các nhà sản xuất tăng sản lượng. Theo đó, sản lượng ghi nhận tốc độ tăng trưởng nhanh nhất kể từ tháng 3/2011.

+ Lĩnh vực sản xuất hàng hóa tiêu dùng ghi nhận kết quả khả quan nhất trong số ba lĩnh vực được khảo sát, với sản lượng, số lượng đơn đặt hàng mới và việc làm tăng mạnh nhất.

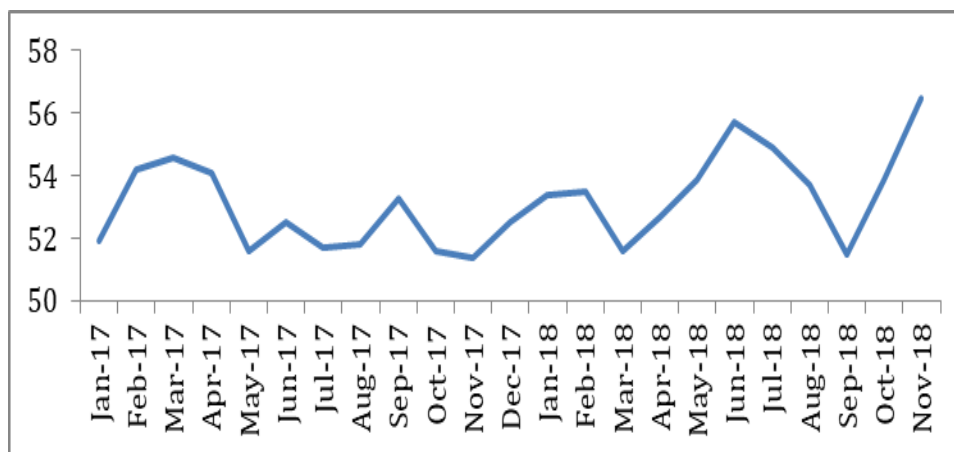
Bên cạnh đó, một số diễn biến của các yếu tố thành phần vẫn thể hiện những áp lực lớn trong hoạt động sản xuất, cụ thể như:

+ Áp lực về năng lực sản xuất gia tăng khi lượng công việc tồn đọng tăng lần đầu tiên trong 6 tháng qua và là mức tăng mạnh nhất kể từ tháng 8/2017, buộc các công ty phải nhanh chóng tuyển thêm nhân viên.

+ Các nhà sản xuất tăng tồn kho cả hàng hóa đầu vào và hàng thành phẩm với tốc độ kỷ lục kéo theo hoạt động mua hàng tăng nhanh đáng kể. Tuy nhiên, giá nguyên vật liệu đã làm chi phí đầu vào tiếp tục tăng trong tháng 11, ghi nhận mức tăng lớn nhất trong 3 tháng vừa qua. Gánh nặng chi phí tăng khiến các nhà sản xuất tăng giá bán hàng lần đầu tiên trong 3 tháng.

Mặc dù vậy, nhưng sản lượng được dự báo sẽ tiếp tục tăng trong năm tới khi nhu cầu tăng lên, mức độ tự tin của các nhà sản xuất cũng cải thiện. Mức độ lạc quan tăng so với tháng 10 và ghi nhận mức cao nhất kể từ tháng 2/2016.

Diễn biến chỉ số PMI



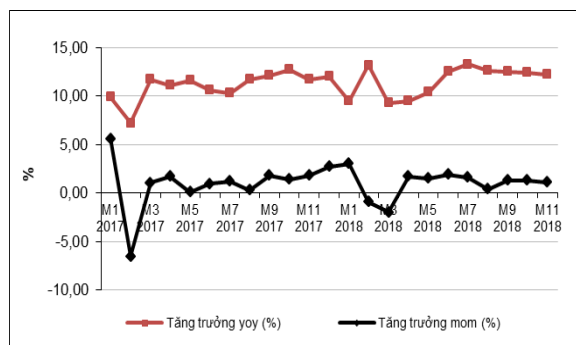
Nguồn: Nikkei

Tổng mức bán lẻ hàng hóa và doanh thu dịch vụ tiêu dùng tiếp tục duy trì đà tăng trưởng tốt

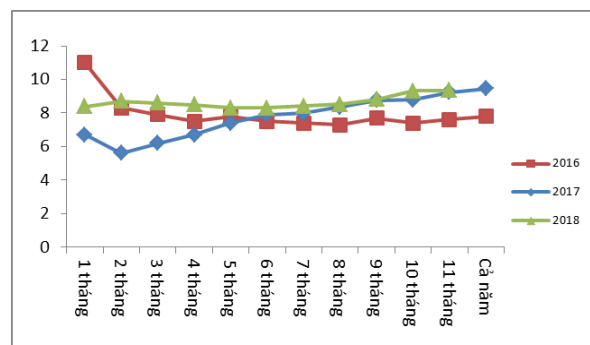
Tổng mức bán lẻ hàng hóa và doanh thu dịch vụ tiêu dùng tháng 11 ước tính đạt 385 nghìn tỷ đồng, tăng 1,1% so với tháng trước và tăng 12,2% so với cùng kỳ năm trước. Trong đó, doanh thu bán lẻ hàng hóa chiếm tỷ trọng lớn nhất (xấp xỉ 75% tổng doanh thu chung) và đạt mức tăng trưởng cao nhất 12,2% so với cùng kỳ năm trước. Diễn biến này theo đúng quy luật khi hoạt động mua sắm bán lẻ thường duy trì đà tăng trưởng tốt trong những tháng cuối năm.

Tính chung 11 tháng năm 2018, tổng mức bán lẻ hàng hóa và doanh thu dịch vụ tiêu dùng ước tính đạt 4.000,1 nghìn tỷ đồng, tăng 11,5% so với cùng kỳ năm trước, nếu loại trừ yếu tố giá tăng 9,34%, cao hơn mức tăng 9,25% của cùng kỳ năm 2017.

Tăng trưởng tổng mức bán lẻ hàng hóa và doanh thu DV TD so với tháng trước và cùng kỳ (%)



Tăng trưởng tổng mức bán lẻ hàng hóa và doanh thu dịch vụ tiêu dùng đã loại trừ yếu tố giá (% yoy)



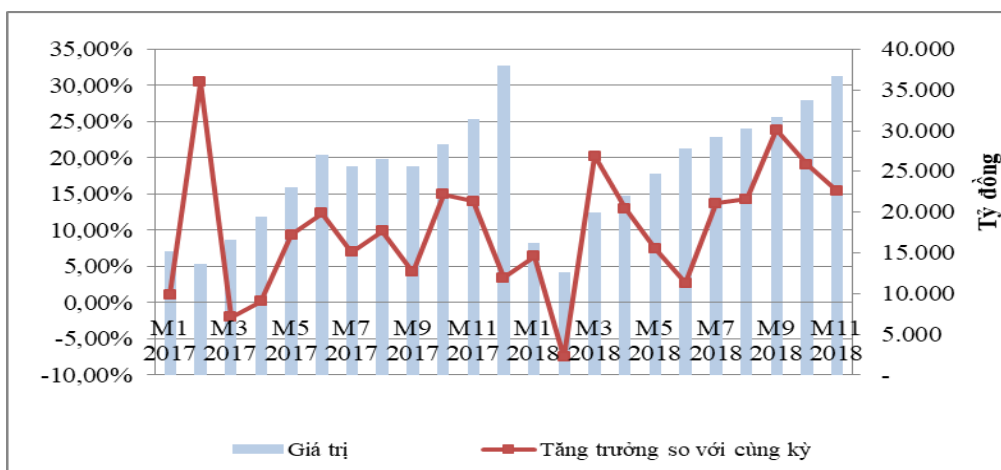
Nguồn: TCTK

Giải ngân nguồn vốn đầu tư từ NSNN diễn biến tích cực

Vốn đầu tư thực hiện từ nguồn ngân sách Nhà nước tháng 11 ước tính đạt 36,7 nghìn tỷ đồng, tăng 8,9% so với tháng trước và tăng 15,4% so với cùng kỳ năm trước. Tính chung 11 tháng năm nay, vốn đầu tư thực hiện từ nguồn ngân sách Nhà nước đạt 284,7 nghìn tỷ đồng, bằng 82,1% kế hoạch năm và tăng 12,8% so với cùng kỳ năm trước.

Quan sát diễn biến vốn giải ngân trong năm nay có thể thấy việc giải ngân vốn đã có sự rải đều hơn, mức vốn giải ngân bắt đầu tăng mạnh từ khi bước vào quý III, tránh tình trạng tập trung dồn vốn giải ngân trong những tháng cuối năm.

Diễn biến vốn đầu tư từ NSNN giai đoạn T1/2017 – T11/2018



Nguồn: TCTK

Diễn biến chung của FDI vào Việt Nam đã chậm lại qua các kênh ngoại trừ dòng vốn vào qua kênh góp vốn mua cổ phần

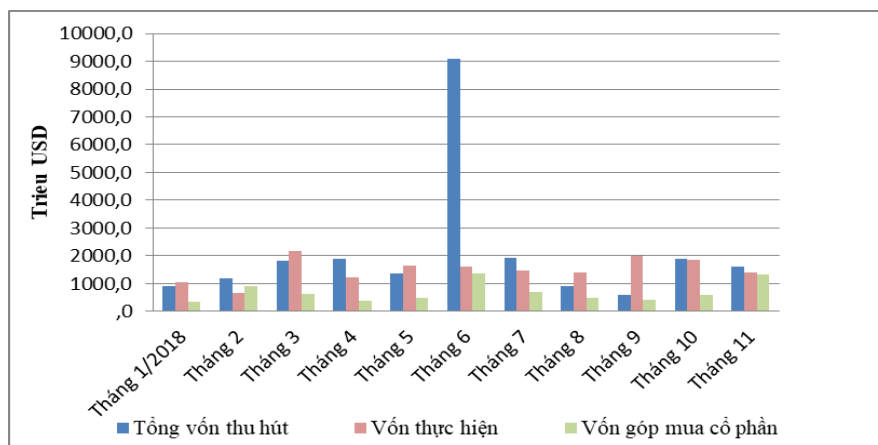
Trong tháng 11, việc thu hút FDI chậm lại so với tháng trước. Tổng lượng vốn FDI thu hút mới và tăng thêm trong tháng 11 ước đạt 1,62 tỷ USD, giảm 15% so với tháng trước. Sự chững lại diễn ra trên cả hai cấu phần, bao gồm vốn FDI thu hút mới, ước đạt 760,2 triệu USD, giảm 16% so với tháng trước và FDI tăng thêm, ước đạt 860 triệu USD, giảm 14% so với tháng trước. Như vậy, tính chung 11 tháng, tổng số vốn đăng ký cấp mới và vốn tăng thêm ước đạt 23,2 tỷ USD, giảm 16,6% so với cùng kỳ năm 2017, trái ngược hoàn toàn với mức tăng mạnh mẽ 53,3% của 11 tháng năm 2017.

Giải ngân vốn FDI thực hiện trong tháng 11 tiếp tục chững lại, ước đạt 1,4 tỷ USD, giảm 24% so với tháng trước. Tính chung 11 tháng, tổng vốn FDI thực hiện đạt 16,5 tỷ USD, tăng 3,1% so với cùng kỳ năm 2017, thấp hơn mức tăng 11,9% của 11 tháng năm ngoái.

Trong khi diễn biến của các cấu phần vốn FDI trong tháng đang suy giảm thì lượng vốn vào Việt Nam qua kênh góp vốn mua cổ phần lại có sự gia tăng mạnh mẽ trong tháng 11, ước đạt 1,34 tỷ USD, tăng gấp hơn 2 lần so với tháng trước và cũng là tháng đạt giá trị cao thứ 2 kể từ đầu năm đến nay (sau mức 1,35 tỷ USD của tháng 6).

Diễn biến các vốn đầu tư nước ngoài vào Việt Nam qua các tháng trong năm 2018

(triệu USD)



Nguồn: TCTK

Xuất khẩu mặc dù đã giảm tháng thứ 2 liên tiếp nhưng vẫn đạt kim ngạch trên 20 tỷ USD

Xuất khẩu tháng 11 tiếp tục duy trì ở mức trên 20 tỷ USD tháng thứ 5 liên tiếp khi ước đạt 21,6 tỷ USD, giảm 4,13% so với tháng trước. Nhiều mặt hàng có sự sụt giảm kim ngạch so với tháng trước, tập trung ở các nhóm hàng nguyên liệu thô và sản phẩm điện tử³. Mặc dù vậy, so với cùng kỳ xuất khẩu tháng 11 vẫn đạt mức tăng trưởng 8,7% với nhiều mặt hàng ghi nhận mức tăng tốt⁴.

Tính chung 11 tháng năm nay, kim ngạch hàng hóa xuất khẩu ước tính đạt 223,63 tỷ USD, tăng 14,4% so với cùng kỳ năm 2017, trong đó khu vực kinh tế trong nước đạt 63,24 tỷ USD, tăng 17,2%; khu vực có vốn đầu tư nước ngoài (kể cả dầu thô) đạt 160,39 tỷ USD, tăng 13,4%. Sự gia tăng kim ngạch xuất khẩu qua 11 tháng vẫn tập trung ở các mặt hàng chủ lực thuộc nhóm chế biến chế tạo⁵.

Về thị trường hàng hóa xuất khẩu, kim ngạch xuất khẩu vào các thị trường lớn qua 11 tháng đều đạt tốc độ tăng trưởng cao, cơ cấu xuất khẩu sang các thị trường không có nhiều thay đổi, Mỹ và EU vẫn là 2 thị trường xuất khẩu lớn nhất của Việt Nam. Điểm đáng chú ý là kim ngạch xuất khẩu sang Trung Quốc tiếp tục có sự gia tăng mạnh, hiện đạt con số 38,1 tỷ USD, gần như tương đương với mức xuất khẩu sang thị trường EU (38,2 tỷ USD).

Nhập khẩu tiếp tục tăng so với tháng trước

Nhập khẩu tháng 11 tiếp tục tăng so với tháng trước, ước đạt 22 tỷ USD, tăng 1,1% so với tháng trước và tăng 13,44% so với cùng kỳ năm trước. Sự gia tăng kim ngạch nhập khẩu trong tháng này chủ yếu là nhờ kim ngạch một số mặt hàng nhập khẩu tư liệu sản xuất tiếp tục đạt tốc độ tăng cao⁶.

Tính chung 11 tháng năm 2018, kim ngạch hàng hoá nhập khẩu đạt 216,82 tỷ USD, tăng 12,4% so với cùng kỳ năm trước, trong đó khu vực kinh tế trong nước đạt 86,63 tỷ USD, tăng 12,6%; khu vực có vốn đầu tư nước ngoài đạt 130,19 tỷ USD, tăng 12,3%. Sự gia tăng kim ngạch nhập khẩu qua 11 tháng vẫn tập trung ở các mặt hàng chủ lực thuộc nhóm tư liệu sản⁷.

Nhập khẩu từ các thị trường lớn qua 11 tháng vẫn duy trì tốc độ tăng trưởng cao ở mức hai con số. Trung Quốc vẫn là thị trường nhập khẩu lớn nhất của Việt Nam, tiếp theo là Hàn Quốc, Nhật Bản, Asean.

Cán cân thương mại thâm hụt 400 triệu USD

Trong tháng 11, với diễn biến giảm của xuất khẩu và tăng của nhập khẩu, cán cân thương mại ước thâm hụt 400 triệu USD. Như vậy, từ đầu năm đến nay, cán cân thương mại mới chỉ ghi nhận 4 lần thâm hụt vào các tháng 1, tháng 5, tháng 7 và tháng 11. Tính chung 11 tháng, cán cân thương mại vẫn thặng dư 6,8 tỷ USD, trong đó khu vực kinh tế trong nước nhập siêu 23,4 tỷ USD; khu vực có vốn đầu tư nước ngoài (kể cả dầu thô) xuất siêu 30,2 tỷ USD.

³ Kim ngạch xuất khẩu phần lớn các mặt hàng trong tháng 11 giảm so với tháng trước, trong đó sắt thép giảm 30,8%; xăng dầu giảm 12,7%; điện tử, máy tính và linh kiện giảm 8,3%; hàng dệt may giảm 4,8%

⁴ Một số mặt hàng có kim ngạch xuất khẩu tăng so với cùng kỳ năm trước: Hóa chất tăng 36,4%; hàng dệt may tăng 20,3%; máy móc thiết bị, dụng cụ phụ tùng tăng 20,2%; phương tiện vận tải và phụ tùng tăng 18,9%; điện thoại và linh kiện tăng 2,5%.

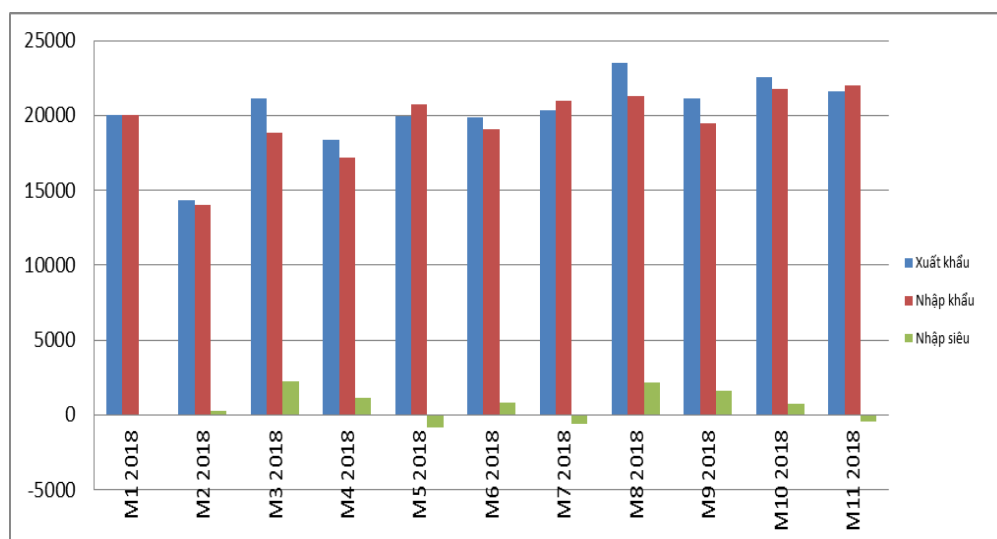
⁵ 11 tháng năm 2018, kim ngạch xuất khẩu một số mặt hàng chủ lực tiếp tục tăng so với cùng kỳ năm trước: Điện thoại và linh kiện tăng 11,5%; hàng dệt may tăng 17,4%; điện tử, máy tính và linh kiện tăng 13,9%; máy móc thiết bị, dụng cụ phụ tùng tăng 28,6%; giày dép tăng 9,9%.

⁶ Kim ngạch nhập khẩu một số mặt hàng tháng 11 năm 2018 có sự gia tăng so với tháng trước: Xăng dầu tăng 11,6%; xe máy và linh kiện, phụ tùng tăng 4,5%; điện thoại và linh kiện tăng 4%; điện tử, máy tính và linh kiện tăng 3,1%; máy móc thiết bị, dụng cụ phụ tùng tăng 1,7%

⁷ 11 tháng năm 2018, kim ngạch nhập khẩu một số mặt hàng chủ lực tiếp tục tăng so với cùng kỳ năm trước: Điện tử, máy tính và linh kiện tăng 13,6% so với cùng kỳ năm trước; vải tăng 13,6%; sắt thép tăng 10,2%; chất dẻo tăng 20,9%; xăng dầu tăng 15,4%; kim loại thường tăng 28,4%; nguyên phụ liệu dệt, may, giày dép tăng 6,2%; hóa chất tăng 27,8%.

Diễn biến XK, NK và nhập siêu giai đoạn 1/2017 – 11/2018

(triệu USD)



Nguồn: TCTK

Một số chính sách quan trọng trong công tác quản lý, điều tiết kinh tế được ban hành trong tháng 11

Nghị quyết số 139/NQ-CP ngày 09/11/2018 ban hành Chương trình hành động cắt giảm chi phí cho doanh nghiệp.

Theo đó, nhằm thực hiện mục tiêu cắt giảm, đơn giản hóa quy định BHXH để cắt giảm chi phí doanh nghiệp:

Chính phủ yêu cầu Bộ LĐ-TB&XH đề xuất sửa đổi pháp luật về BHXH bằng việc điều chỉnh tỷ lệ đóng vào quỹ BHXH theo hướng hài hòa quyền lợi giữa doanh nghiệp và người lao động.

Ngoài ra, Chương trình cắt giảm chi phí doanh nghiệp còn đề ra những mục tiêu cụ thể như sau:

- Cắt giảm, đơn giản hóa các điều kiện kinh doanh (ĐKKD), kiểm soát chặt chẽ quá trình ban hành quy định liên quan đến ĐKKD; hạn chế tối đa việc ban hành các ĐKKD bất hợp lý, không cần thiết;

- Đến năm 2020:

+ Cắt giảm, đơn giản hóa quy định về đầu tư, đất đai, xây dựng, nộp thuế và bảo hiểm xã hội;

+ Giảm 1/2 tỷ lệ doanh nghiệp cho rằng doanh nghiệp cùng ngành phải chi trả chi phí không chính thức theo Khảo sát PCI;

+ Công khai 100% các hoạt động thanh tra, kiểm tra và kết quả xử lý trên trang mạng internet của cơ quan có thẩm quyền.

Nghị quyết số 69/2018/QH14 Về Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội năm 2019:

Nghị quyết được thông qua ngày 08/11/2018, với một số nội dung nổi bật như:

- Đẩy nhanh tiến độ triển khai dự án đường bộ cao tốc Bắc - Nam phía Đông, Cảng hàng không quốc tế Long Thành và các dự án giao thông, công nghiệp trọng điểm, có sức lan tỏa cao;

- Mở rộng áp dụng thị thực điện tử và đơn phương miễn thị thực cho một số địa bàn trọng điểm;

- Chú trọng phát triển thị trường nhà ở cho thuê, nhà ở cho công nhân, nhà ở cho người có thu nhập thấp;

- Triển khai đúng hạn Nghị quyết số 88/2014/QH13 và Nghị quyết số 51/2017/QH14 của Quốc hội về đổi mới chương trình, sách giáo khoa giáo dục phổ thông.

- Tiếp tục duy trì thành tích, phấn đấu nâng cao thứ hạng của thể thao Việt Nam ở khu vực và châu lục.

- Ngăn chặn hiệu quả hoạt động tín dụng đen, quản lý chặt chẽ đối với dịch vụ thu nợ, đòi nợ thuê...

Nghị định số 153/2018/NĐ-CP ngày 7/11/2018 Quy định chính sách điều chỉnh lương hưu đối với lao động nữ bắt đầu hưởng lương hưu trong giai đoạn từ năm 2018 đến năm 2021 có thời gian đóng bảo hiểm xã hội từ đủ 20 năm đến 29 năm 6 tháng

Theo đó, việc điều chỉnh áp dụng với lao động nữ bắt đầu hưởng lương hưu từ ngày 01/01/2018 đến 31/12/2021, có thời gian đóng BHXH từ đủ 20 năm đến 29 năm 6 tháng. Tùy vào thời gian đã đóng BHXH và thời điểm bắt đầu hưởng lương hưu thì:

Mức lương hưu được điều chỉnh = Mức lương hưu tính theo Khoản 2 Điều 56 hoặc Khoản 2 Điều 74 Luật BHXH 2014 + Mức điều chỉnh.

Trong đó:

Mức điều chỉnh = Mức lương hưu tính tại thời điểm bắt đầu hưởng lương hưu X Tỷ lệ điều chỉnh.

Tỷ lệ điều chỉnh được quy định chi tiết trong Bảng tại Khoản 2 Điều 3 Nghị định 153; đơn cử như sau:

- Thời gian đã đóng BHXH 20 năm: 7,27% (năm 2018); 5,45% (năm 2019); 3,64% (năm 2020); 1,82% (năm 2021);

- Thời gian đã đóng BHXH 29 năm 01 tháng – 29 năm 6 tháng: 1,08% (năm 2018); 0,81% (năm 2019); 0,54% (năm 2020); 0,27% (năm 2021).

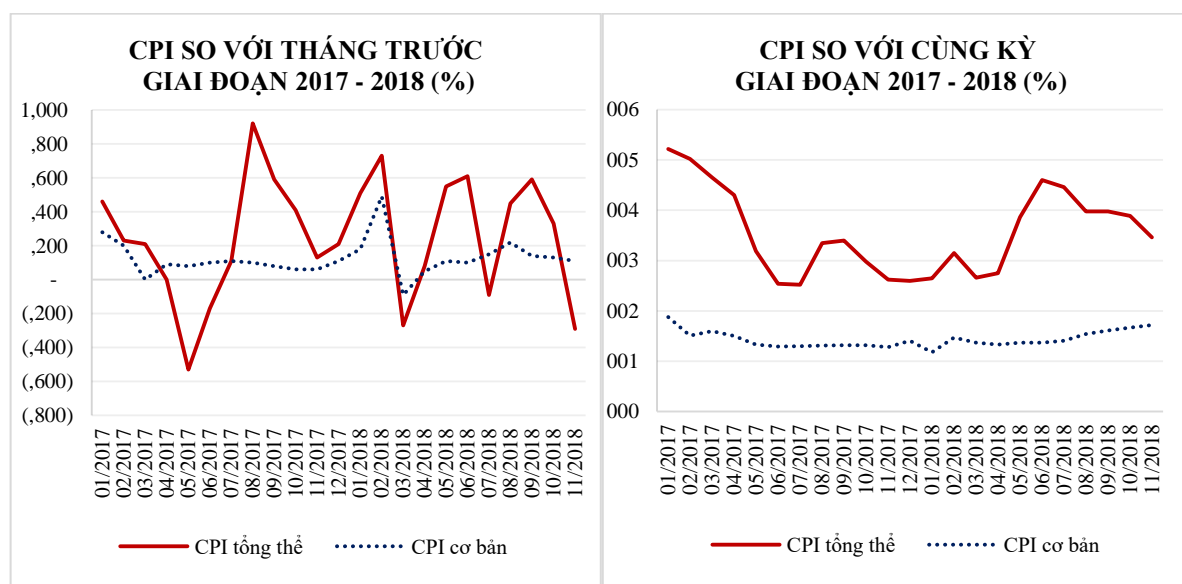
Quyết định số 1489/QĐ-TTg ngày 06/11/2018 phê duyệt Định hướng thu hút, quản lý và sử dụng nguồn vốn ODA và vốn vay ưu đãi của các nhà tài trợ nước ngoài giai đoạn 2018-2020, tầm nhìn 2021-2025.

Công văn số 8255/BKHĐT-TH ngày 19/11/2018 dự phòng kế hoạch đầu tư trung hạn vốn ngân sách trung ương tại các bộ, ngành, địa phương và kế hoạch đầu tư công năm 2019.

2. Diễn biến chỉ số CPI

Chỉ số CPI giảm 0,29% so với tháng trước Chỉ số giá tiêu dùng tháng 11/2018 giảm 0,29% so với tháng trước. So với cùng kỳ năm trước CPI tháng 11 tăng 3,46% và so với cuối năm trước tăng 3,24%. CPI bình quân 11 tháng đầu năm 2018 đã tăng 3,59% so với năm 2017.

CPI cơ bản tháng 11 tăng 0,11% so với tháng trước, so với cùng kỳ năm trước tăng 1,72%. CPI cơ bản bình quân 11 tháng tăng 1,46% so với cùng kỳ năm 2017.



Nguồn: TCTK

So với tháng trước, trong tháng 11/2018 có 07 nhóm hàng hóa, dịch vụ có CPI tăng và 04 nhóm giảm. Trong đó, nhóm hàng hóa dịch vụ có CPI giảm hầu hết là các nhóm chiếm tỷ trọng lớn trong rổ tính CPI. Cụ thể:

+ CPI nhóm Giao thông giảm 1,81% và là tháng giảm mạnh nhất từ đầu năm

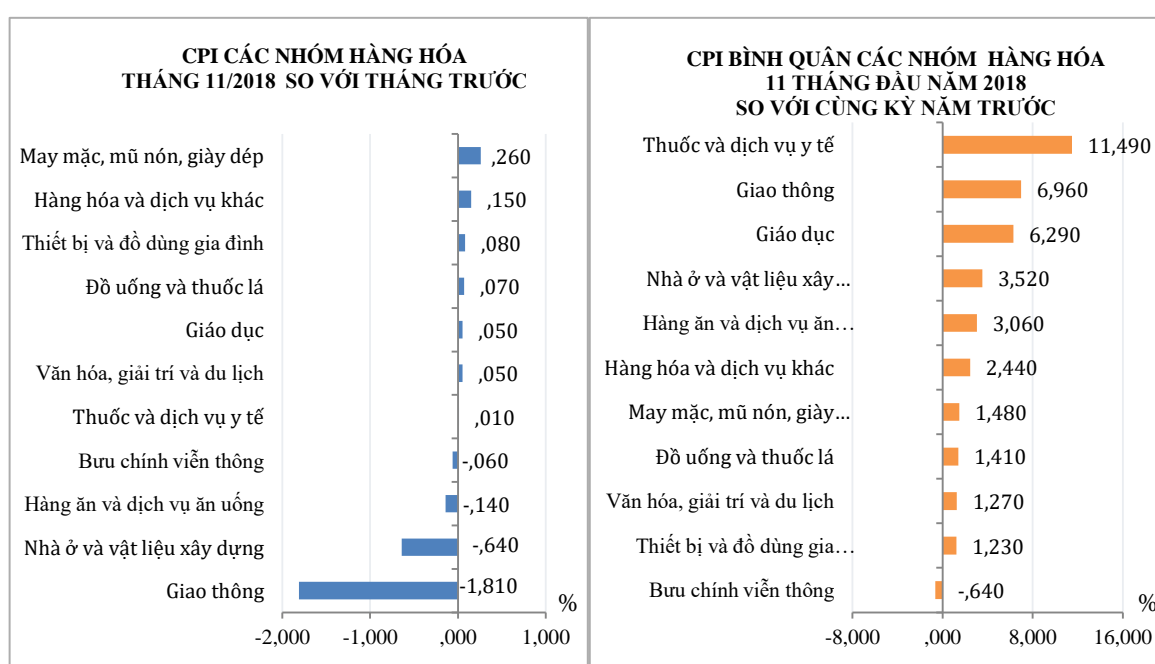
của nhóm này, từ đó tác động làm CPI chung giảm 0,17%. Do ảnh hưởng của hai đợt giảm giá bán xăng dầu vào các ngày 6/11 và 21/11, giá bán xăng dầu tháng 11 đã giảm khoảng 4,1% so với tháng trước.

+ Nhóm Nhà ở vật liệu và vật liệu xây dựng có CPI giảm 0,64% chủ yếu do tác động giảm của giá gas, dầu hỏa, điện sinh hoạt trong tháng⁸.

+ CPI nhóm Hàng ăn và dịch vụ ăn uống giảm 0,14% chủ yếu do giá Thực phẩm giảm 0,3%. Ngược lại,

+ Nhóm Bưu chính viễn thông tiếp tục có CPI giảm 0,06%.

+ Các nhóm hàng hóa, dịch vụ có CPI tăng bao gồm: May mặc, mũ nón, giày dép (0,26%); Thiết bị và đồ dùng gia đình (0,08%); Giáo dục (0,05%); Văn hóa, giải trí và du lịch (0,05%); Đồ uống và thuốc lá (0,07%); Thuốc và dịch vụ y tế (0,01%); CPI Lương thực (0,27%); Ăn uống ngoài gia đình (0,05%); Hàng hóa và dịch vụ khác (0,15%).



Nguồn: TCTK

Một số chính sách quan trọng về điều tiết giá cả được ban hành trong tháng 11 năm 2018

Công văn số 8989/BCT-TTTN ngày 6/11/2018 của Bộ Công Thương về việc điều hành kinh doanh xăng dầu

Điều chỉnh giá xăng dầu: Xăng E5 RON 92: giảm 1082 đồng/lít; Xăng RON 95-III: giảm 1183 đồng/lít; Dầu diesel 0.05S: giảm 67 đồng/lít; Dầu hỏa: giữ ổn định giá; Dầu mazut 180CST 3.5S: giữ ổn định giá.

Công văn số 9505/BCT-TTTN ngày 21/11/2018 của Bộ Công Thương về việc điều hành kinh doanh xăng dầu

Điều chỉnh giá xăng dầu: Xăng E5 RON 92: giảm 973 đồng/lít; Xăng RON 95-III: giảm 1093 đồng/lít; Dầu diesel 0.05S: giảm 907 đồng/lít; Dầu hỏa: giảm 884 đồng/lít; Dầu mazut 180CST 3.5S: giảm 508 đồng/kg.

3. Thu chi ngân sách Nhà nước

Thu NSNN tiếp tục diễn biến tốt hơn so với cùng kỳ năm ngoái, chi đầu tư phát

Tổng thu ngân sách Nhà nước từ đầu năm đến thời điểm 15/11/2018 ước tính đạt 1.160,1 nghìn tỷ đồng, bằng 87,9% dự toán năm, trong đó thu nội địa 926,9 nghìn tỷ đồng, bằng 84,3%; thu từ dầu thô 54,3 nghìn tỷ đồng,

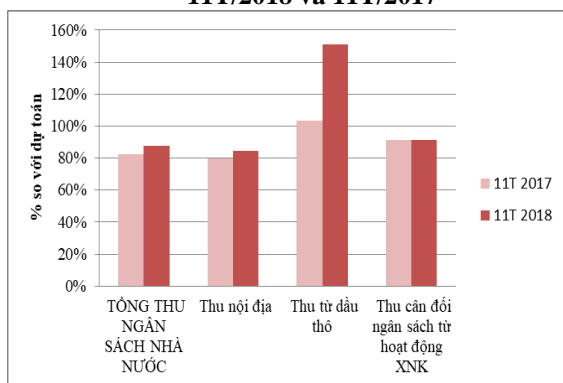
⁸ Giá gas giảm mạnh 9,18%; giá dầu hỏa giảm 0,97%; giá điện sinh hoạt giảm 0,64% so với tháng 10.

triển vẫn ở mức thấp so với dự toán

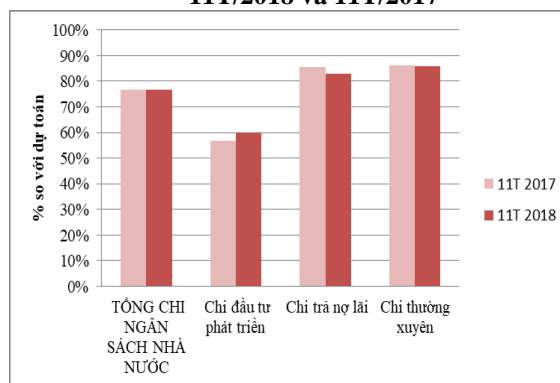
bằng 151,3%; thu cân đối ngân sách từ hoạt động xuất, nhập khẩu 174,9 nghìn tỷ đồng, bằng 97,7%. Như vậy, tổng thu nói chung và từng cấu phần thu nói riêng vẫn có những diễn biến tích cực so với cùng kỳ năm ngoái⁹, đặc biệt cấu phần thu từ dầu thô còn đang vượt xa mức dự toán đề ra.

Tổng chi ngân sách Nhà nước từ đầu năm đến thời điểm 15/11/2018 ước tính đạt 1.166,2 nghìn tỷ đồng, bằng 76,6% dự toán năm, trong đó chi thường xuyên đạt 806,8 nghìn tỷ đồng, bằng 85,8%; chi đầu tư phát triển 239,8 nghìn tỷ đồng, bằng 60%; chi trả nợ lãi 93,5 nghìn tỷ đồng, bằng 83,1%. Như vậy, tổng chi và các cấu phần chi so với dự toán đều không có nhiều thay đổi so với cùng kỳ năm trước¹⁰, trong đó chi thường xuyên và chi trả nợ đều đang bám khá sát mục tiêu đề ra, còn chi đầu tư phát triển vẫn còn ở mức khá thấp.

Diễn biến thu NSNN so với dự toán 11T/2018 và 11T/2017



Diễn biến chi NSNN so với dự toán 11T/2018 và 11T/2017

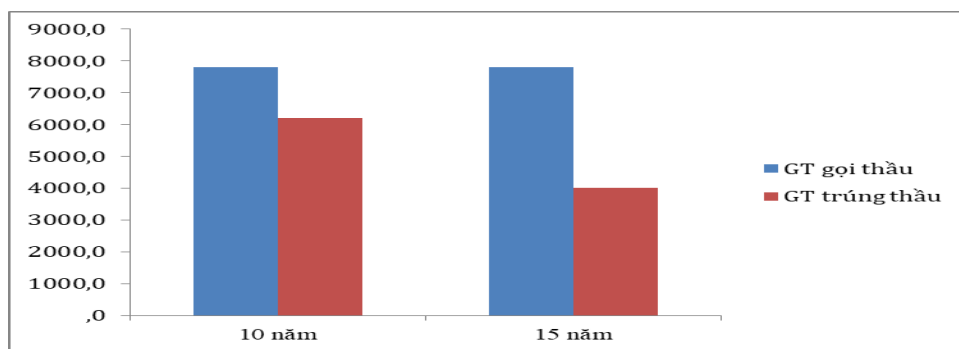


Nguồn: TCTK

Tháng 11/2018, Kho bạc Nhà nước huy động thành công 10.220 tỷ đồng trái phiếu Chính phủ qua đấu thầu, đạt 52,14% so với giá trị gọi thầu – tăng khá mạnh so với tháng 10 (30,5%). Đáng chú ý là trong tháng 11, Kho bạc Nhà nước gọi thầu ở 04 kỳ hạn là 5, 7, 10 và 15 năm, tuy nhiên chỉ có hai kỳ hạn có giá trị trúng thầu là 10 và 15 năm.

Giá trị trúng thầu và gọi thầu qua các kỳ hạn trong tháng 11

Đơn vị: tỷ đồng



Nguồn: hnx.vn

⁹ Tổng thu ngân sách Nhà nước từ đầu năm đến thời điểm 15/11/2017 ước tính đạt 999,1 nghìn tỷ đồng, bằng 82,4% dự toán năm, trong đó thu nội địa đạt 790,4 nghìn tỷ đồng, bằng 79,8%; thu từ dầu thô 39,5 nghìn tỷ đồng, bằng 103,2%; thu cân đối ngân sách từ hoạt động xuất, nhập khẩu 164,8 nghìn tỷ đồng, bằng 91,5%

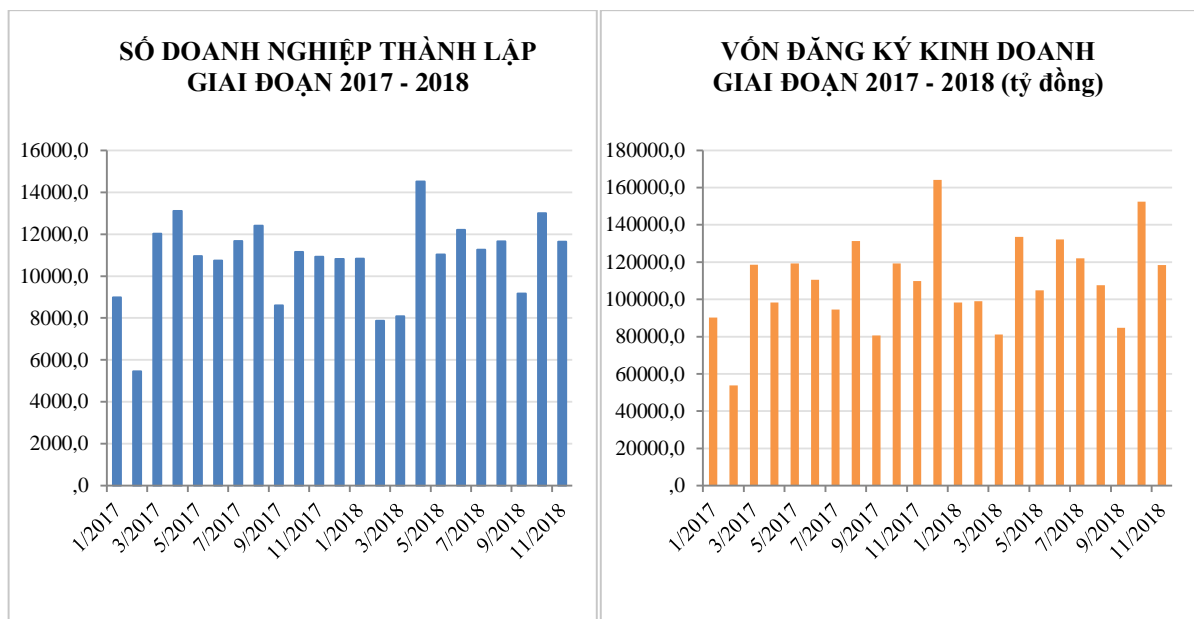
¹⁰ Tổng chi ngân sách Nhà nước từ đầu năm đến thời điểm 15/11/2017 ước tính đạt 1.065,7 nghìn tỷ đồng, bằng 76,6% dự toán năm, trong đó chi thường xuyên đạt 773 nghìn tỷ đồng, bằng 86,2%; chi trả nợ lãi 84,7 nghìn tỷ đồng, bằng 85,7%; riêng chi đầu tư phát triển đạt 203,1 nghìn tỷ đồng, chỉ bằng 56,9% dự toán năm.

Đồng thời, lãi suất trúng thầu của trái phiếu Chính phủ các kỳ hạn 10 năm và 15 năm cũng tăng lần lượt là 0,15 và 0,1 điểm phần trăm so với tháng trước. Kết thúc tháng, lãi suất trúng thầu của trái phiếu kỳ hạn 10 năm nằm trong khoảng 5,00-5,10%/năm, 15 năm trong khoảng 5,25-5,30%/năm.

4. Tình hình doanh nghiệp

Tình hình thành lập mới và quay trở lại hoạt động của doanh nghiệp

Trong tháng 11/2018, số doanh nghiệp được thành lập mới trên cả nước đạt 11.637 doanh nghiệp với tổng số vốn đăng ký kinh doanh là 118.420 tỷ đồng, so với cùng kỳ năm trước tăng 6,5% về số doanh nghiệp và tăng 7,7% về số vốn đăng ký. Tỷ trọng vốn đăng ký bình quân trên một doanh nghiệp trong tháng 11 đạt 10,2 tỷ đồng - tăng 1,1% so với cùng kỳ năm 2017.

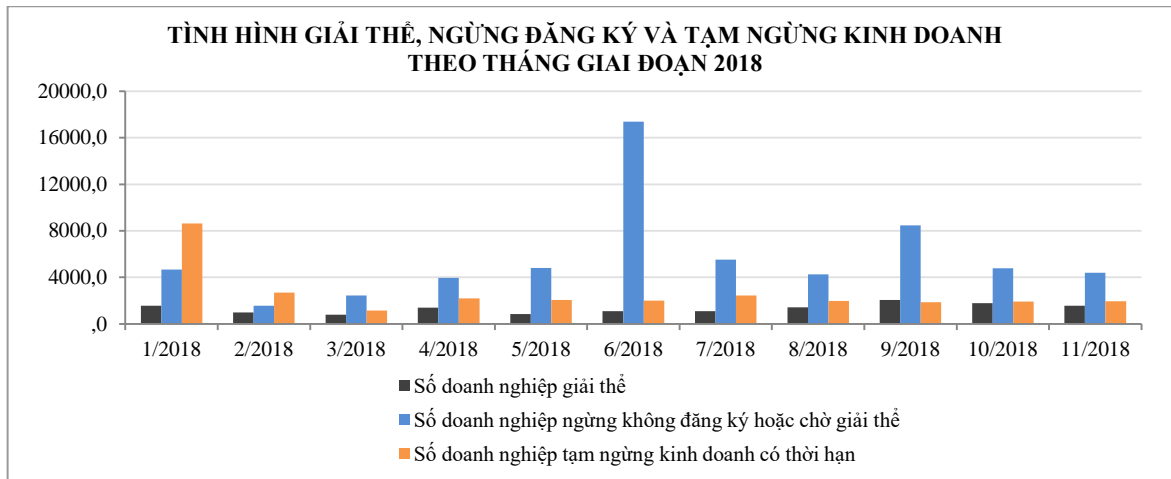


Nguồn: Cục quản lý đăng ký kinh doanh

Như vậy qua 11 tháng đầu năm nay, có 121.248 doanh nghiệp được thành lập mới với tổng số vốn đăng ký kinh doanh là 1.234.372 tỷ đồng - tăng 4,5% về số doanh nghiệp và tăng 9,1% về số vốn so với cùng kỳ năm trước. Ngoài ra, trong 11 tháng, số doanh nghiệp quay trở lại hoạt động là 31.869 doanh nghiệp - tăng 30,9% so với cùng kỳ năm trước.

Tình hình doanh nghiệp tạm ngừng hoạt động

Tình hình doanh nghiệp giải thể, ngừng đăng ký và tạm ngừng kinh doanh có thời hạn trong tháng 11 tiếp tục có những chuyển biến tốt hơn so với tháng trước. Cụ thể, số lượng doanh nghiệp hoàn tất thủ tục giải thể là 1.554 doanh nghiệp - giảm 12,3% so với tháng 10/2018. Số doanh nghiệp tạm ngừng không đăng ký hoặc chờ giải thể là 4.401 doanh nghiệp - giảm mạnh 7,8% so với tháng trước. Chỉ duy nhất số doanh nghiệp tạm ngừng kinh doanh có thời hạn là 1.951 doanh nghiệp - tăng nhẹ 2,1% so với tháng 10.



Nguồn: Cục quản lý đăng ký kinh doanh

III. DIỄN BIẾN THỊ TRƯỜNG TIỀN TỆ, CHỨNG KHOÁN

Một số chính sách quan trọng trong lĩnh vực tiền tệ, ngân hàng trong tháng 11 năm 2018

Quyết định số 2162/QĐ-NHNN ngày 2/11/2018 Sửa đổi, bổ sung một số nội dung của Đề án cơ cấu lại và nâng cao năng lực của Công ty Quản lý tài sản của các tổ chức tín dụng Việt Nam giai đoạn 2017-2020 và hướng tới 2022 ban hành kèm theo Quyết định số 28/QĐ-NHNN ngày 05/01/2018 của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước.

Nghị quyết số 139/NQ-CP ngày 9/11/2018 ban hành Chương trình hành động cắt giảm chi phí cho doanh nghiệp:

Trong đó, Ngân hàng Nhà nước Việt Nam được Chính phủ giao triển khai nhiều nhiệm vụ liên quan đến chi phí tín dụng và dịch vụ ngân hàng nhằm giúp các doanh nghiệp giảm chi phí đầu vào sản xuất, kinh doanh, cụ thể:

Ngân hàng Nhà nước Việt Nam nghiên cứu xây dựng hành lang pháp lý cho các ngân hàng thương mại nghiên cứu và phát triển các sản phẩm mới đáp ứng nhu cầu của doanh nghiệp, ví dụ: Nghĩa vụ thanh toán ngân hàng (BPO-Bank Payment Obligation), Tài trợ chuỗi giá trị (Value Chain Finance), v.v... Nghiên cứu tìm kiếm các giải pháp phù hợp nhằm đẩy mạnh, kết nối, tạo điều kiện cho doanh nghiệp Việt Nam tiếp cận các nguồn vốn hỗ trợ đầu tư, kinh doanh của các định chế tài chính quốc tế, phù hợp với các nguyên tắc thị trường. Cùng với đó, tạo thuận lợi cho các tổ chức tín dụng tiếp cận thông tin tín dụng của khách hàng vay tại Trung tâm thông tin tín dụng quốc gia Việt Nam (CIC).

Tiếp tục rà soát, sửa đổi, bổ sung các quy định của pháp luật yêu cầu các tổ chức tín dụng công khai, minh bạch các quy định cung cấp sản phẩm, dịch vụ, tạo điều kiện cho người dân, doanh nghiệp có cơ sở tiếp cận, lựa chọn dịch vụ, chi phí phù hợp và có cơ sở để giám sát chất lượng dịch vụ. Đồng thời, tiếp tục đẩy mạnh phát triển thanh toán không dùng tiền mặt, tăng cường ứng dụng các phương tiện thanh toán mới, hiện đại trên nền tảng công nghệ tiên tiến (thanh toán di động, ví điện tử, QRCode, v.v...) để giảm chi phí phát sinh trong hoạt động thanh toán tại Việt Nam.

Thông tư 28/2018/TT-NHNN ngày 30/11/2018 Sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 40/2011/TT-NHNN ngày 15 tháng 12 năm 2011 của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước Việt Nam quy định về việc cấp Giấy phép và tổ chức, hoạt động của ngân hàng thương mại, chi nhánh ngân hàng nước ngoài, văn phòng đại diện của tổ chức tín dụng nước ngoài, tổ chức nước ngoài khác có hoạt động ngân hàng tại Việt Nam.

Thông tư 26/2018/TT-NHNN ngày 16/11/2018 quy định về điều tra thống kê tiền tệ, ngân hàng và ngoại hối ngoài Chương trình điều tra thống kê quốc gia thay thế Thông tư số 06/2011/TT-NHNN ngày 22/3/2011 quy định về điều tra thống kê tiền tệ, hoạt động ngân hàng và ngoại hối:

Các loại điều tra thống kê tiền tệ và ngân hàng của Ngân hàng Nhà nước bao gồm:

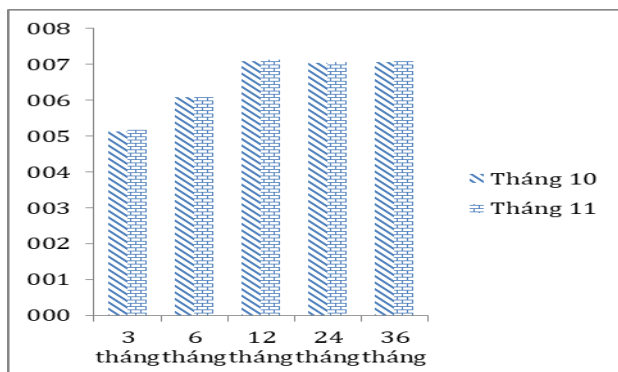
- Điều tra thống kê thuộc Chương trình điều tra thống kê tiền tệ và ngân hàng: Căn cứ chức năng, nhiệm vụ được giao và yêu cầu thông tin phục vụ quản lý, điều hành, chậm nhất vào ngày 05/10 hàng năm, các đơn vị thuộc Ngân hàng Nhà nước đề xuất các cuộc điều tra được thực hiện định kỳ (nếu có) để bổ sung vào Chương trình điều tra thống kê tiền tệ và ngân hàng.

- Điều tra thống kê tiền tệ và ngân hàng đột xuất: Điều tra thống kê tiền tệ và ngân hàng đột xuất khi phát sinh yêu cầu thu thập thông tin đột xuất trong lĩnh vực tiền tệ và ngân hàng và không thuộc Chương trình điều tra thống kê tiền tệ và ngân hàng.

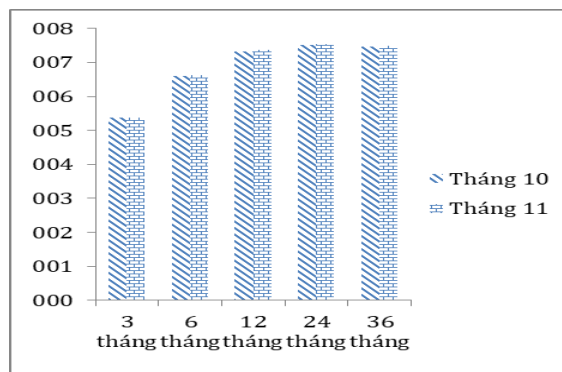
Lãi suất huy động tiếp tục tăng rải rác

Trong tháng 11, mặt bằng lãi suất huy động bình quân trong nền kinh tế tiếp tục tăng nhẹ, phổ biến trong khoảng từ 0,02 – 0,03 điểm phần trăm. Xu hướng tăng lãi suất tại nhóm các NHTM có vốn sở hữu Nhà nước chủ yếu diễn ra tại các kỳ hạn ngắn phù hợp với mặt bằng lãi suất 5% của thị trường. Đồng thời trong tháng chỉ duy nhất có ngân hàng Vietcombank tiếp tục tăng lãi suất kỳ hạn từ 12 tháng trở lên với mức tăng là 0,02 điểm phần trăm. Trong khi đó, xu hướng này tiếp tục rải đều trong khối NHTM CP ở tất cả các kỳ hạn. Tuy nhiên, các ngân hàng điều chỉnh tăng lãi suất trong khối này chủ yếu là những ngân hàng đã giảm lãi suất trong tháng trước, như NHTMCP Hàng Hải, NHTMCP Kiên Long, NHTMCP Đông Á,... Bên cạnh đó cũng xuất hiện xu hướng điều chỉnh giảm tại một số ngân hàng đã tăng trước đó như NHTMCP Kỹ Thương; NHTMCP Quốc Tế,... Hiện tại, lãi suất huy động bình quân kỳ hạn 3 - 6 tháng trong khoảng 5,18 – 6,08%/năm đối với khối NHTM có vốn sở hữu Nhà nước và trong khoảng 5,38 – 6,64%/năm đối với khối NHTM CP; Lãi suất huy động bình quân kỳ hạn dài từ 12 tháng trở lên trong khoảng 7,07 - 7,13%/năm đối với khối NHTM có vốn sở hữu Nhà nước và trong khoảng 7,37 – 7,55%/năm đối với khối NHTM CP.

Diễn biến lãi suất huy động bình quân Khối NHTM Nhà nước



Diễn biến lãi suất huy động bình quân Khối NHTM Cổ phần



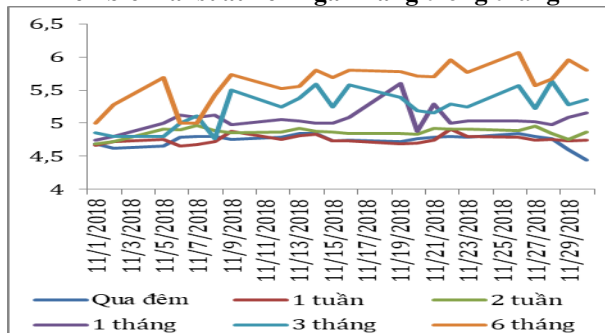
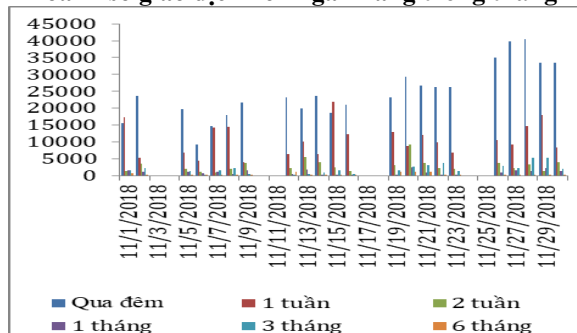
Nguồn: Tổng hợp

Lãi suất cho vay nền kinh tế tiếp tục duy trì xu hướng ổn định. Theo đó, lãi suất cho vay VND phổ biến ở mức 6,0-9,0%/năm đối với ngắn hạn; 9,0-11%/năm đối với trung và dài hạn.

Bên cạnh đó, lãi suất cho vay USD phổ biến ở mức 2,8-6,0%/năm; trong đó lãi suất cho vay ngắn hạn phổ biến ở mức 2,8-4,7%/năm, lãi suất cho vay trung, dài hạn ở mức 4,5-6,0%/năm.

Lãi suất liên ngân hàng đã giảm ở một số kỳ hạn ngắn nhưng đồng loạt tăng ở các kỳ hạn dài

So với tháng trước, lãi suất liên ngân hàng tiếp tục duy trì ở mặt bằng cao, lãi suất không có tín hiệu giảm ở tất cả các kỳ hạn, lãi suất liên tục ở ngưỡng cao hơn so với thời điểm kết thúc của tháng trước kể từ ngày 6/11 cho đến gần cuối tháng. Mặc dù vậy, đến ngày giao dịch cuối tháng lãi suất kỳ hạn ngắn (qua đêm – 2 tuần) đã giảm khoảng 0,07 – 0,17 điểm phần trăm nhưng lãi suất các kỳ hạn dài hơn đã tăng đáng kể, trong đó đáng chú ý là xu hướng tăng gần 1 điểm phần trăm của lãi suất liên ngân hàng kỳ hạn 6 tháng và xu hướng tăng của lãi suất liên ngân hàng kỳ hạn 12 tháng sau nhiều tháng ổn định. Diễn biến tăng của lãi suất đối với 02 kỳ hạn này cũng tương ứng với mức doanh số giao dịch tăng đột biến tại một số ngày giao dịch trong tháng. Hiện tại, lãi suất liên ngân hàng kỳ hạn ngắn lần lượt là 4,44%/năm; 4,74%/năm và 4,87%/năm. Lãi suất kỳ hạn dài hơn từ 1 tháng – 12 tháng lần lượt là 5,15%/năm; 5,36%/năm; 5,8%/năm và 5,68%/năm.

Diễn biến lãi suất liên ngân hàng trong tháng 11**Doanh số giao dịch liên ngân hàng trong tháng 11**

Nguồn: NHNN

Bên cạnh đó, hoạt động thị trường mở trong tháng tiếp tục tích cực, với trạng thái bơm ròng là chủ yếu. Trong khi đó, NHNN không có hoạt động phát hành mới qua kênh tín phiếu trong 3 tuần cuối tháng. Tổng hợp 02 kênh OMO và tín phiếu, NHNN đã bơm ròng 12.785 tỷ đồng vào thị trường.

Diễn biến của lãi suất huy động trong nền kinh tế và lãi suất liên ngân hàng tiếp tục phản ánh nhu cầu vốn gia tăng của thị trường vào thời điểm cuối năm, đặc biệt là nhu cầu vốn dài hạn và sự ảnh hưởng của những nhân tố khách quan từ môi trường vĩ mô trong và ngoài nước.

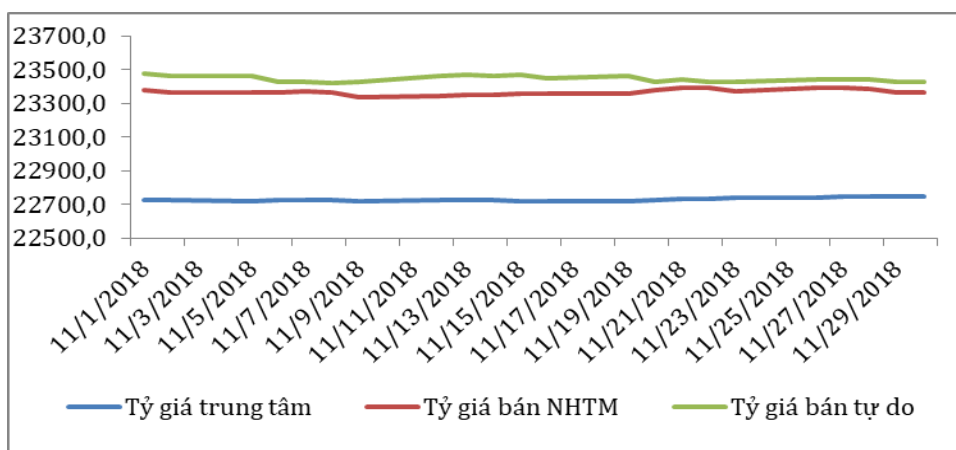
Tỷ giá tiếp tục diễn biến thuận lợi

Trong tháng 11, tỷ giá giao dịch trong nền kinh tế tiếp tục diễn biến thuận lợi, ghi nhận mức tăng nhẹ của tỷ giá trung tâm và xu hướng giảm liên tiếp trên cả thị trường giao dịch chính thức và thị trường tự do vào cuối tháng.

Theo đó, tỷ giá trung tâm tăng 0,11% với xu hướng giảm diễn ra vào nửa đầu tháng và xu hướng tăng diễn ra vào cuối tháng. Mức độ biến động cũng có sự khác biệt trong 02 khoảng thời gian, cụ thể tỷ giá biến động nhẹ trong khoảng $\pm 0,01\%$ vào nửa đầu tháng và biến động tăng mạnh hơn trong 10 ngày giao dịch cuối tháng, trong khoảng từ 0,02% - 0,04%. Bên cạnh đó, diễn biến của tỷ giá bán của Sở giao dịch NHNN cũng có cùng mức độ và xu hướng biến động trong khi tỷ giá mua giữ ổn định. Kết thúc tháng, tỷ giá trung tâm hiện là 22.750 USD/VND; tỷ giá bán của SGD NHNN là 23.383 USD/VND.

Trái ngược với mức độ tăng nhẹ của các tỷ giá tham chiếu, tỷ giá giao dịch trên thị trường chính thức và trên thị trường tự do cùng có xu hướng giảm vào cuối tháng – diễn biến theo chiều hướng tích cực hơn so với 02 tháng trước. Tỷ giá giao dịch của Vietcombank và Eximbank đã giảm cùng mức độ ở cả chiều mua và chiều bán, lần lượt là 0,11% và 0,17%. Trong đó, xu hướng giảm của tỷ giá chính thức diễn ra gần như liên tục trong gần 10 ngày giao dịch đầu tháng và vào tuần giao dịch cuối tháng với nhiều ngày giao dịch giảm mạnh, giao động từ $\pm 0,09\%$ - $\pm 0,17\%$. Trong khi đó, tỷ giá giao dịch trên thị trường tự do lại có xu hướng diễn biến tăng giảm đan xen nhưng ghi nhận nhiều ngày giao dịch có mức độ biến động khá lớn, trong khoảng từ $\pm 0,11\%$ - $\pm 0,17\%$. Đáng chú ý là xu hướng giảm mạnh của tỷ giá mua không chính thức so với tỷ giá bán, lần lượt ở mức 0,3% và 0,21%. Thực tế này cũng phản ánh áp lực thị trường đang giảm mạnh so với những tháng trước. Kết thúc tháng tỷ giá giao dịch không chính thức là 23.380 USD/VND đối với chiều mua và 23.430 USD/VND chiều bán. Chênh lệch tỷ giá giữa hai thị trường đã được thu hẹp đáng kể so với hồi đầu tháng, hiện ở mức 65 đồng.

Diễn biến tỷ giá USD/VND



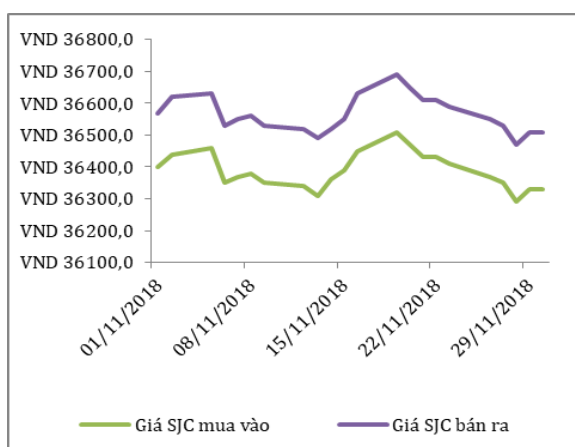
Nguồn: NHNN

Giá vàng trong nước đã giảm nhẹ so với tháng trước

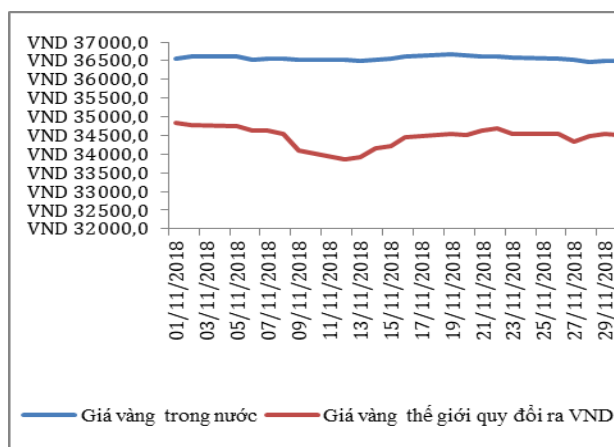
Trong tháng 11, giá vàng trong nước đã giảm lần lượt trong khoảng 0,03% - 0,08% đối với giá bán và giá mua vàng SJC so với tháng trước. Diễn biến tăng, giảm qua các ngày giao dịch của giá vàng SJC không hoàn toàn trùng khớp nhưng về cơ bản giá vàng trong nước bám khá sát với nhịp tăng, giảm của giá vàng quốc tế. Trong đó, rõ nét nhất là xu hướng tăng từ ngày 14 - 19/11, tổng mức tăng của giá bán vàng SJC trong nước là 200.000 đồng/lượng. Giá bán vàng SJC cũng đã có được ngưỡng giá giao dịch cao trong khoảng 36,63 - 36,69 triệu đồng/lượng. Tiếp đến là diễn biến giảm vào cuối tháng bắt đầu kể từ ngày 23/11, với tổng mức giảm lên đến 140.000 đồng/lượng và đã ghi nhận mức giá giao dịch thấp nhất trong tháng là 36,47 triệu đồng/lượng.

Mặc dù đã bám khá sát với những diễn biến chính của giá vàng quốc tế nhưng biên độ biến động của giá vàng trong nước thấp hơn đồng thời không có những ngày giao dịch biến động mạnh như giá vàng quốc tế, phổ biến trong khoảng 0,03% - 0,11% nên kết thúc tháng tổng mức độ biến động của giá vàng trong nước đã trái chiều với giá vàng quốc tế, kết thúc tháng giao dịch ở mức 36,33 - 36,51 triệu đồng/lượng. Chênh lệch giá vàng trong nước và quốc tế vẫn ở mức trên 2 triệu đồng/lượng. Hoạt động giao dịch vàng trên thị trường diễn ra trầm lắng, các giao dịch nhỏ lẻ tiếp tục chiếm đa số.

Diễn biến giá vàng trong nước



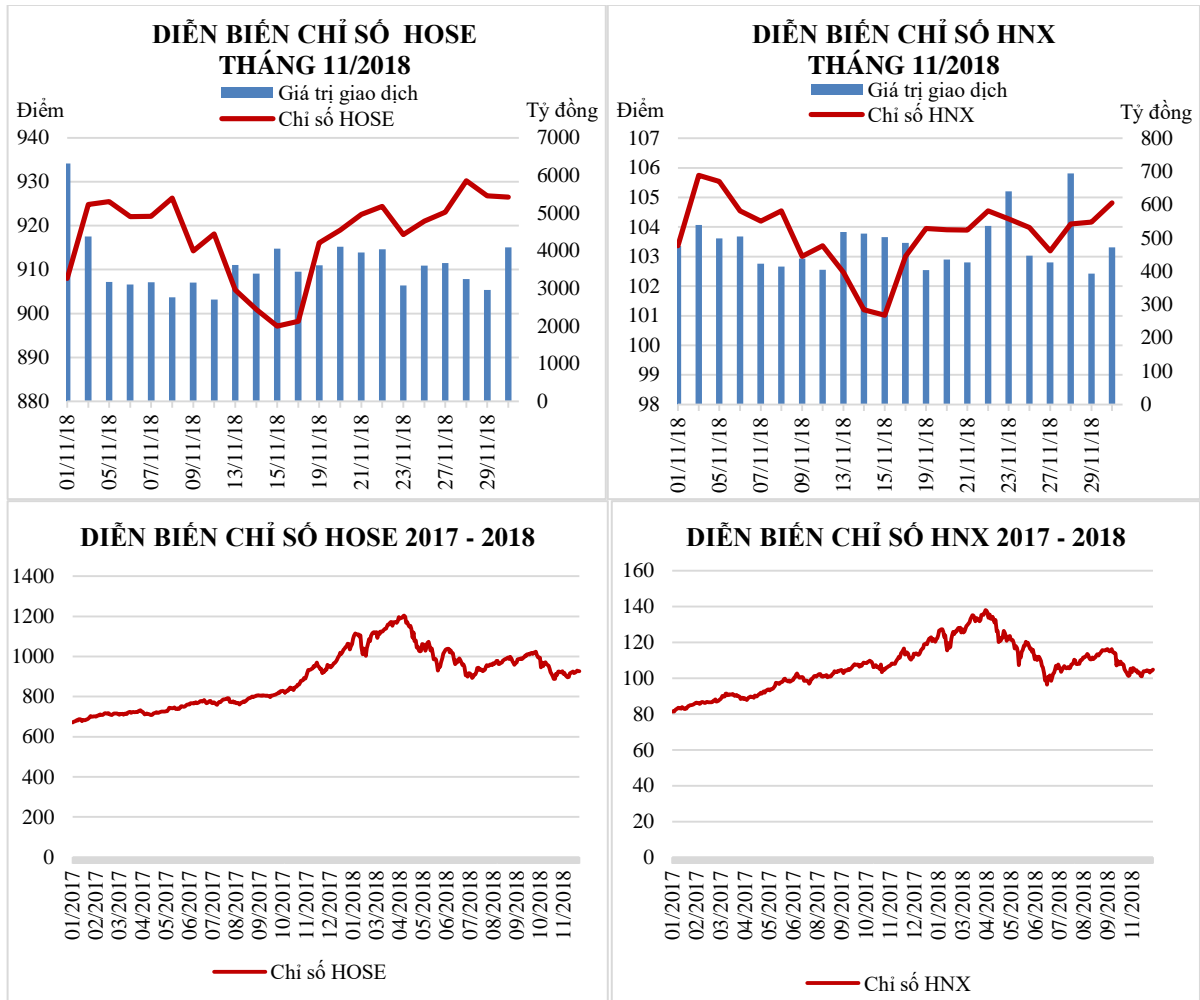
Diễn biến giá vàng trong nước và quốc tế quy đổi



Nguồn: sjc.com.vn

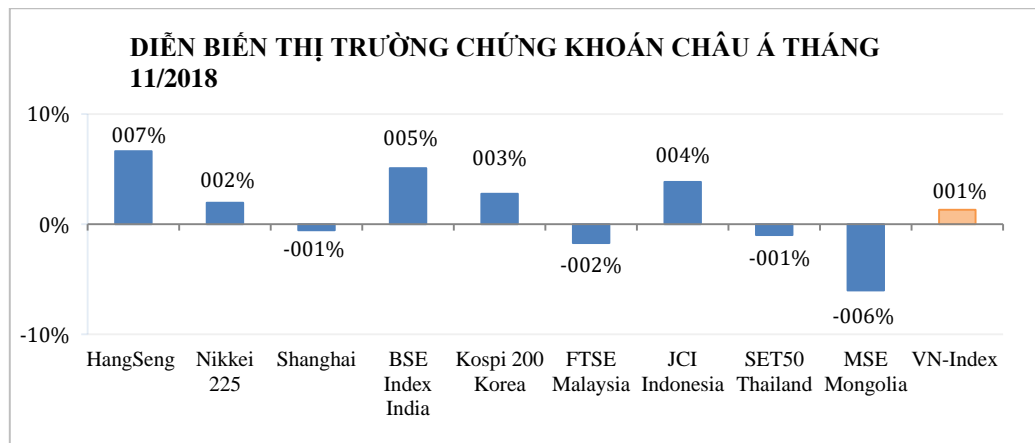
TTCK đã tăng trưởng nhưng biến động mạnh vào đầu tháng

Trong tháng 11/2018, thị trường chứng khoán Việt Nam đã trải qua nhiều biến động. Trên sàn HOSE, chỉ số VN-Index đóng cửa ngày 30/11 ở mức 926,54 điểm – tăng 11,78 điểm tương đương 1,3% so với phiên đóng cửa tháng trước. Trên sàn HNX, chỉ số HNX-Index kết thúc phiên giao dịch cuối cùng với 104,82 điểm – giảm nhẹ 0,53 điểm tương đương 0,5% so với thời điểm cuối tháng 10.



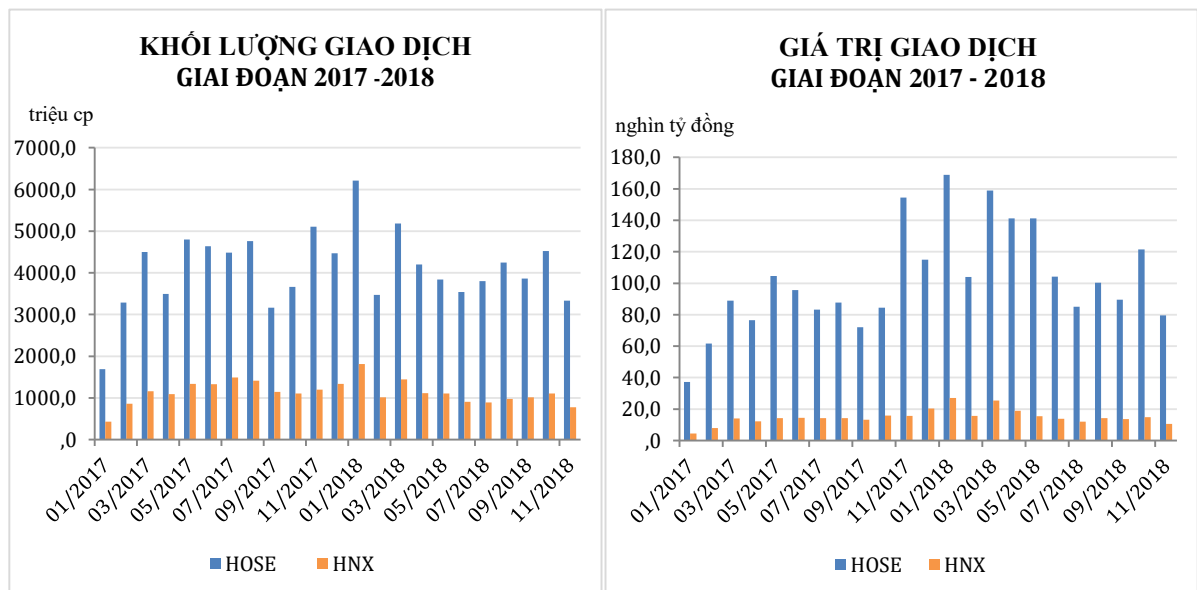
Nguồn: UBCKNN

Diễn biến suy giảm của thị trường trong tháng 10 tiếp tục kéo dài sang 02 tuần giao dịch đầu tháng 11. Trong khoảng thời gian đó, cả hai chỉ số VN-Index và HNX-Index đều có xu hướng giảm điểm. Chỉ số VN-Index trong tuần giao dịch thứ hai đã có thời điểm giảm xuống dưới mức 900 điểm. Mặc dù vậy, diễn biến tăng đã xuất hiện trở lại trong 2 tuần giao dịch cuối tháng. Diễn biến thị trường chịu ảnh hưởng mạnh bởi nhóm cổ phiếu vốn hóa lớn, trong đó các cổ phiếu lớn và Bluechip thuộc các ngành Dầu khí, Ngân hàng có tác động chủ yếu. Sự suy giảm các cổ phiếu Dầu khí trong nửa đầu tháng khi các cổ phiếu đầu ngành như GAS, PVC, PVD đều giảm mạnh đã kéo theo sự sụt giảm của thị trường. Sau đó, sự phục hồi của nhóm Dầu khí và các cổ phiếu ngành Ngân hàng (BID, VPB, TPB, ...) đã giúp thị trường khởi sắc hơn. Với diễn biến như vậy, thị trường chứng khoán Việt Nam vẫn là một trong số những thị trường đạt mức tăng trưởng dương trong tháng qua.



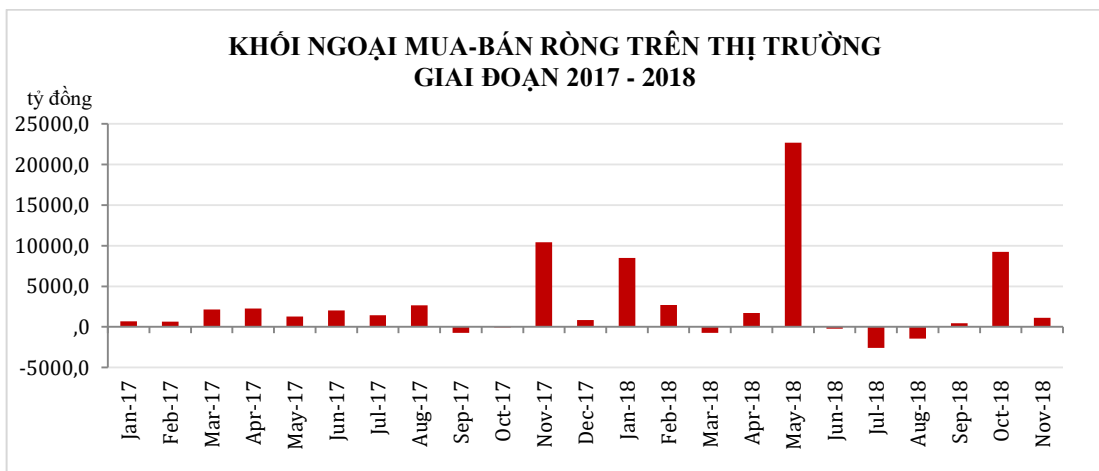
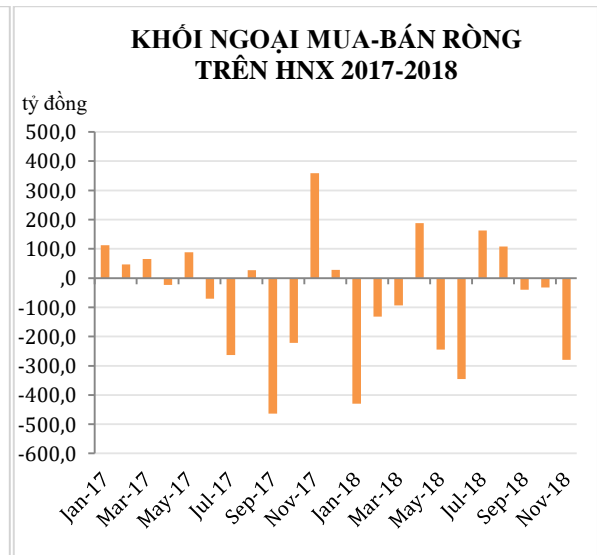
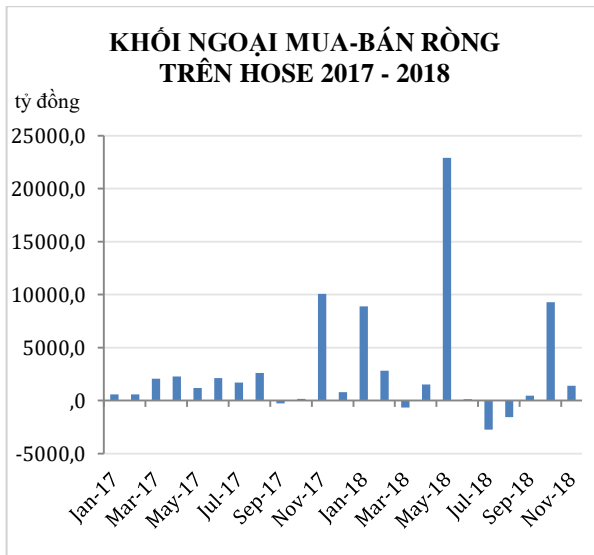
Nguồn: Bloomberg

Thanh khoản thị trường trong tháng 11/2018 ở mức thấp nhất kể từ đầu năm nay. Trên sàn HOSE, tổng khối lượng giao dịch chỉ đạt 3.335,8 triệu cổ phiếu tương ứng giá trị giao dịch 79,66 nghìn tỷ đồng. So với tháng trước giảm 26,24% về khối lượng giao dịch và giảm 34,41% về giá trị giao dịch. Tương tự trên sàn HNX, khối lượng giao dịch cũng chỉ đạt 780 triệu cổ phiếu với giá trị giao dịch 10,6 nghìn tỷ đồng – giảm 30% về khối lượng giao dịch và giảm 29% về giá trị giao dịch so với tháng 10/2018.



Nguồn: UBCKNN

Hoạt động của khối ngoại trong tháng 11 tiếp tục duy trì tổng trạng thái mua ròng. Theo đó, trên sàn HOSE, khối ngoại tiếp tục trạng thái mua ròng với giá trị mua ròng đạt 1.412,7 tỷ đồng. Đáng chú ý là lượng mua ròng tăng đột biến do thương vụ mua ròng tại cổ phiếu MSN với giá trị lên tới 2.283 tỷ đồng vào ngày 1/11. Ngoài giao dịch này thì nhiều các cổ phiếu lớn đều bị bán ròng mạnh (VIC, HPG, GAS, NVL,...). Trên sàn HNX, khối ngoại bán ròng tháng thứ ba liên tiếp với giá trị bán ròng hơn 280 tỷ đồng, tập trung ở các cổ phiếu PVS, VCG, VGC.



Nguồn: UBCK